

KINH

BỐN MƯƠI HAI CHƯƠNG

[TỨ THẬP NHỊ CHƯƠNG KINH]

[ÂM – NGHĨA]

(HẬU TÂN TAM TẠNG PHÁP SƯ CƯU-MA-LA-THẬP PHỤNG CHIẾU DỊCH)

ĐOÀN TRUNG CÒN - NGUYỄN MINH TIẾN *Việt dịch và chú giải*

NGUYỄN MINH HIỂN *hiệu đính*

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

NGHI THỨC KHAI KINH

(Phần nghi thức này không thuộc Kinh văn nhưng cần tụng niệm trước để tâm thức được an tịnh trước khi đi vào tụng đọc Kinh văn)

NIỆM HƯƠNG

(Thắp đèn đốt hương trầm, đứng ngay ngắn chấp tay ngang ngực thâm niệm theo nghi thức dưới đây.)

Tịnh pháp giới chân ngôn:

Án lam tóa ha.

(3 lần)

Tịnh tam nghiệp chân ngôn:

**Án ta phạ bà phạ, thuật đà ta phạ,
đạt ma ta phạ, bà phạ thuật độ hám.**

(3 lần)

(Chủ lễ thắp 3 cây hương, quỳ ngay ngắn nâng hương lên ngang trán niệm bài Cúng hương sau đây.)

CÚNG HƯƠNG TÁN PHẬT

**Nguyện thử diêu hương vân,
Biển mãn thập phương giới.
Cúng dường nhất thiết Phật,
Tôn Pháp, chư Bồ Tát,
Vô biên Thanh văn chúng,
Cập nhất thiết thánh hiền.
Duyên khởi quang minh đài,**

**Xứng tánh tác Phật sự.
Phổ huân chư chúng sanh,
Giai phát Bồ-đề tâm,
Viễn ly chư vọng nghiệp,
Viên thành vô thượng đạo.**

(Chủ lễ xá 3 xá rồi đọc bài Kỳ nguyện dưới đây.)

KỠ NGUYỆN

**Tư thời đệ tử chúng đảg phúng tụng
kinh chú, xưng tán hồng danh, tập thử công
đức, nguyện thập phương thường trú Tam
bảo, Bốn sư Thích-ca Mâu-ni Phật, Tiếp
Đẫn Đạo Sư A-di-đà Phật... từ bi gia hộ đệ
tử... Pháp danh... phiền não đoạn diệt,
nghiệp chướng tiêu trừ, thường hoạch kết
tường, vĩnh ly khổ ách. Phổ nguyện âm
siêu dương thới, hải yển hà thanh, pháp
giới chúng sanh tề thành Phật đạo.**

*(Cắm hương ngay gần vào lư hương rồi đứng
thẳng chấp tay niệm bài Tán Phật sau đây.)*

TÁN PHẬT

**Pháp vương vô thượng tôn,
Tam giới vô luân thất.**

Thiên nhân chi Đạo sư,
Tứ sanh chi từ phụ.
Ứ nhất niệm quy y,
Năng diệt tam kỳ nghiệp.
Xưng dương nhược tán thán,
Ứ kiếp mạc năng tận.

QUÁN TƯỚNG

Năng lễ sở lễ tánh không tịch,
Cảm ứng đạo giao nan tư nghì.
Ngã thử đạo tràng như đế châu,
Thập phương chư Phật ảnh hiện trung.
Ngã thân ảnh hiện chư Phật tiền,
Đầu diện tiếp túc quy mạng lễ.

Chí tâm đảnh lễ: Nam-mô tận hư không biến pháp giới quá, hiện, vị lai thập phương chư Phật, Tôn pháp, Hiền thánh tăng thường trú Tam bảo. (1 lay)

Chí tâm đảnh lễ: Nam-mô Ta-bà Giáo chủ Bốn sư Thích-ca Mâu-ni Phật, Đương lai hạ sanh Di-lặc Tôn Phật, Đại trí Văn-thù-sư-lợi Bồ Tát, Đại hạnh Phổ Hiền Bồ Tát, Hộ Pháp Chư Tôn Bồ Tát, Linh Sơn Hội Thượng Phật Bồ Tát. (1 lay)

**Chí tâm đảnh lễ: Nam-mô Tây phương
Cực Lạc Thế giới Đại từ Đại bi A-di-đà
Phật, Đại bi Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại
Thế Chí Bồ Tát, Đại nguyện Địa Tạng
Vương Bồ Tát, Thanh Tịnh Đại Hải Chúng
Bồ Tát. (1 lạy)**

*(Từ đây bắt đầu khai chuông mõ, đại
chúng đồng tụng.)*

TÁN HƯƠNG

**Lư hương xạ nhiệt,
Pháp giới môn huân,
Chư Phật hải hội tất diêu văn,
Tùy xứ kết tường vân,
Thành ý phương ân,
Chư Phật hiện toàn thân.**

**Nam-mô Hương Vân Cái Bồ Tát Ma-
ha-tát. (3 lần)**

CHÚ ĐẠI BI

**Nam-mô Đại Bi Hội Thượng Phật Bồ Tát.
(3 lần)**

**Thiên thủ thiên nhãn vô ngại đại bi
tâm đà-la-ni.**

Nam mô hắc ra đát na đa ra dạ da.
 Nam mô a rị da, bà lô yết đế, thước bát ra
 da, bồ đề tát đỏa bà da, ma ha tát đỏa bà
 da, ma ha ca lô ni ca da. Án, tát bàn ra
 phạt duệ, số đát na đát tỏa.

Nam mô tất kiết lật đỏa y mông, a rị
 da bà lô kiết đế, thất Phật ra lăng đà bà.

Nam mô na ra cần trì hê rị, ma ha
 bàn đa sa mế, tát bà a tha đậu du bằng, a
 thệ dựng, tát bà tát đa, na ma bà dà, ma
 phạt đạt đậu, đát diệt tha. Án a bà lô hê,
 lô ca đế, ca ra đế, di hê rị, ma ha bồ đề
 tát đỏa, tát bà tát bà, ma ra ma ra, ma hê
 ma hê, rị đà dựng cu lô cu lô, kiết mông
 độ lô độ lô, phạt xà da đế, ma ha phạt xà
 da đế, đà ra đà ra, địa rị ni, thất Phật ra
 da, dá ra dá ra. Mạ mạ phạt ma ra, mục
 đế lệ, y hê y hê, thất na thất na, a ra sâm
 Phật ra xá lợi, phạt sa phạt sâm, Phật ra
 xá da, hô lô hô lô ma ra, hô lô hô lô hê rị,
 ta ra ta ra, tất rị tất rị, tô rô tô rô, bồ đề
 dạ bồ đề dạ, bồ đà dạ bồ đà dạ, di đế rị
 dạ, na ra cần trì địa rị sắc ni na, ba dạ ma
 na, ta bà ha. Tất đà dạ, ta bà ha. Ma ha

tất đà dạ ta bà ha. Tất đà du nghệ, thất
bàn ra dạ, ta bà ha. Na ra cần trì, ta bà
ha. Ma ra na ra, ta bà ha. Tất ra tăng a
mục kê da, ta bà ha. Ta bà ma ha, a tất
đà dạ, ta bà ha. Giả kiết ra a tất đà dạ, ta
bà ha. Ba đà ma yết, tất đà dạ, ta bà ha.
Na ra cần trì bàn đà ra dạ, ta bà ha. Ma
bà lý thắng yết ra dạ, ta bà ha.

Nam mô hắc ra đát na đa ra dạ da.
Nam mô a rị da bà lô yết đế, thước bàn
ra dạ, ta bà ha.

Án tất điện đô, mạn đa ra, bạt đà dạ,
ta bà ha. (3 lần)

Nam-mô Bốn sư Thích-ca Mâu-ni Phật.

(3 lần)

KHAI KINH KỆ

Vô thượng thậm thâm vi diệu pháp,
Bá thiên vạn kiếp nan tao ngộ,
Ngã kim kiến văn đắc thọ trì,
Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa.

Nam-mô Liên Trì Hải Hội Phật Bồ Tát.

(3 lần)

PHẦN DỊCH ÂM

TỨ THẬP NHỊ CHƯƠNG KINH

(Hậu Hán Ca-diếp Ma-đăng cộng Pháp Lan dịch)

KINH TỰ

Thế Tôn thành đạo dĩ, tác thị tư duy:
“Ly dục tịch tĩnh, thị tối vi thắng.” Trụ
đại thiên định, hàng chư ma đạo. Ư Lộc
dã uyển trung, chuyển Tứ đế Pháp luân,
độ Kiều-trần-như đẳng ngũ nhân nhi
chứng đạo quả.

Phục hữu tỳ-kheo sở thuyết chư nghi,
câu Phật tấn chỉ. Thế Tôn giáo sắc, nhất
nhất khai ngộ, hiệp chưởng kính nặc, nhi
thuận tôn sắc.

ĐỆ NHẤT CHƯƠNG XUẤT GIA CHỨNG QUẢ

Phật ngôn: Từ thân xuất gia, thức
tâm đạt bốn, giải vô vi pháp, danh viết
sa-môn. Thường hành nhị bá ngũ thập

giới, tấn chí thanh tịnh, vi Tứ chân đạo hạnh, thành A-la-hán.

A-la-hán giả năng phi hành biến hóa, khoáng kiếp thọ mạng, trụ động thiên địa. Thứ vi A-na-hàm.

A-na-hàm giả, thọ chung linh thân thượng Thập cửu thiên, chứng A-la-hán. Thứ vi Tư-đà-hàm.

Tư-đà-hàm giả, nhất thượng nhất hoàn, tức đắc A-la-hán. Thứ vi Tu-đà-hoàn.

Tu-đà-hoàn giả, thất tử thất sanh, tiệp chứng A-la-hán.

Ái dục đoạn giả, như tứ chi đoạn, bất phục dụng chi.

ĐỆ NHỊ CHƯƠNG ĐOẠN DỤC TUYỆT TRẨM

Phật ngôn: Xuất gia sa-môn giả đoạn dục khử ái, thức tự tâm nguyên, đạt Phật thâm lý, ngộ vô vi pháp, nội vô sở đắc, ngoại vô sở cầu, tâm bất hệ đạo, diệc bất

kết nghiệp, vô niệm vô tác, phi tu phi chứng, bất lịch chư vị, nhi tự sùng tối, danh chi vi đạo.

**ĐỆ TAM CHƯƠNG
CÁT ÁI KHỦ THAM**

Phật ngôn: Thế trừ tu phát nhi vi sa môn, thọ đạo pháp giả, khủ thế tư tài, khát cầu thủ túc. Nhật trung nhất tự, thọ hạ nhất túc, thận vật tái hỹ. Sử nhân ngu tế giả, ái dữ dục dã.

**ĐỆ TỨ CHƯƠNG
THIỆN ÁC TỊNH MINH**

Phật ngôn: Chúng sanh dĩ thập sự vi thiện, diệt dĩ thập sự vi ác. Hà đẳng vi thập? Thân tam, khẩu tứ, ý tam. Thân tam giả: sát, đạo, dâm. Khẩu tứ giả: lưỡng thiệt, ác khẩu, vọng ngôn, ỷ ngữ. Ý tam giả: tật, nhuế, si. Như thị thập sự, bất thuận Thánh đạo, danh Thập ác hạnh. Thị ác nhược chi, danh Thập thiện hạnh nhĩ.

**ĐỆ NGŨ CHƯƠNG
CHUYỂN TRỌNG LINH KHINH**

Phật ngôn: Nhân hữu chúng quá, nhi bất tự hối. Đốn tức kỳ tâm, tội lai phó thân, như thủy quy hải tiệm thành thâm quảng. Nhược nhân hữu quá, tự giải tri phi, cải ác hành thiện, tội tự tiêu diệt, như bệnh đắc hãn, tiệm hữu thuyên tổn nhĩ.

**ĐỆ LỤC CHƯƠNG
NHÂN ÁC VÔ SÂN**

Phật ngôn: Ác nhân văn thiện, cố lai não loạn giả. Nhữ tự cảm tức, đương vô sân trách. Bỏ lai ác giả, nhi tự ác chi.

**ĐỆ THẤT CHƯƠNG
ÁC HOÀN BỔN THÂN**

Phật ngôn: Hữu nhân văn ngô thủ đạo, hành đại nhân từ, cố trí mạ Phật. Phật mặc bất đối. Mạ chỉ. Vấn viết: Tử dĩ lễ tòng nhân, kỳ nhân bất nạp, lễ quy tử hô? Đối viết: Quy hỹ.

Phật ngôn: Kim tử mạ ngã, ngã kim bất nạp, tử tự trì họa quy tử thân hỹ. Du hưởng ứng thanh, ảnh chi tùy hình, chung vô miễn ly. Thận vật vi ác.

**ĐỆ BÁT CHƯƠNG
TRẦN THÓA TỰ Ô**

Phật ngôn: Ác nhân hại hiền giả, du ngưỡng thiên nhi thóa. Thóa bất chí thiên, hoàn tùng kỷ đọa. Nghịch phong dương trần, trần bất chí bỉ, hoàn bộn kỷ thân. Hiền bất khả hủy, họa tất diệt kỷ.

**ĐỆ CỬU CHƯƠNG
PHẢN BỐN HỘI ĐẠO**

Phật ngôn: Bác văn ái đạo, đạo tất nan hội. Thủ chí phụng đạo, kỳ đạo thậm đại.

**ĐỆ THẬP CHƯƠNG
HỖ THÍ HOẶC PHƯỚC**

Phật ngôn: “Đỗ nhân thí đạo, trợ chi hoan hỷ, đắc phước thậm đại.” Sa-môn vấn viết: “Thử phước tận hồ?”

Phật ngôn: “Thí như nhất cự chi hỏa, số bá thiên nhân các dĩ cự lai phân thủ, thực thực, trừ minh, thủ cự như cố. Phước diệc như chi.”

**ĐỆ THẬP NHẤT CHƯƠNG
THÍ PHẠM CHUYỂN THẮNG**

Phật ngôn: Phạm ác nhân bá, bất như phạm nhất thiện nhân.

Phạm thiện nhân thiên, bất như phạm nhất trì ngũ giới giả.

Phạm ngũ giới giả vạn, bất như phạm nhất Tu-đà-hoàn.

Phạm bá vạn Tu-đà-hoàn, bất như phạm nhất Tư-đà-hàm.

Phạm thiên vạn Tư-đà-hàm, bất như phạm nhất A-na-hàm.

Phạm nhất ức A-na-hàm, bất như phạm nhất A-la-hán.

Phạm thập ức A-la-hán, bất như phạm nhất Bích-chi Phật.

Phạn bá ức Bích-chi Phật, bất như phạn nhất Tam thế chư Phật.

Phạn thiên ức Tam thế chư Phật, bất như phạn nhất Vô niệm, vô trụ, vô tu, vô chứng chi giả.

**ĐỆ THẬP NHỊ CHƯƠNG
CỬ NAN KHUYẾN TU**

Phật ngôn: Nhân hữu nhị thập nan:

- 1. Bần cùng bố thí nan.**
- 2. Hào quý học đạo nan.**
- 3. Khí mạng tất tử nan.**
- 4. Đắc đồ Phật kinh nan.**
- 5. Sanh tri Phật thế nan.**
- 6. Nhẫn sắc nhẫn dục nan.**
- 7. Kiến hảo bất cầu nan.**
- 8. Bị nhục bất sân nan.**
- 9. Hữu thế bất lâm nan.**
- 10. Xúc sự vô tâm nan.**
- 11. Quảng học bác cứu nan.**
- 12. Trừ diệt ngã mạn nan.**
- 13. Bất khinh vị học nan.**

14. Tâm hành bình đẳng nan.
15. Bất thuyết thị phi nan.
16. Hội thiện tri thức nan.
17. Kiến tánh học đạo nan.
18. Tùy hóa độ nhân nan.
19. Đồ cảnh bất động nan.
20. Thiện giải phương tiện nan.

**ĐỆ THẬP TAM CHƯƠNG
VẤN ĐẠO TỨC MẠNG**

Sa-môn vấn Phật: “Dĩ hà nhân duyên, đắc tri túc mạng, hội kỳ chí đạo?” Phật ngôn: “Tịnh tâm, thủ chí, khả hội chí đạo. Thí như ma kính, cấu khứ, minh tồn. Đoạn dục, vô cầu, đương đắc túc mạng.”

**ĐỆ THẬP TỬ CHƯƠNG
THỈNH VẤN THIỆN ĐẠI**

Sa-môn vấn Phật: “Hà giả vi thiện? Hà giả tối đại?”

Phật ngôn: “Hành đạo, thủ chân giả thiện. Chí dữ đạo hiệp giả đại.”

**ĐỆ THẬP NGŨ CHƯƠNG
THỈNH VẤN LỤC MINH**

Sa-môn vấn Phật: “Hà giả đa lực? Hà giả tối minh?”

Phật ngôn: “Nhãn nhục đa lực, bất hoại ác cố, kiêm gia an kiện. Nhãn giả vô ác, tất vi nhân tôn. Tâm cấu diệt tận, tịnh vô hà uest, thị vi tối minh, Vị hữu thiên địa đãi ư kim nhật, thập phương sở hữu, vô hữu bất kiến, vô hữu bất tri, vô hữu bất văn, đắc Nhất thiết trí, khả vị minh hỹ.”

**ĐỆ THẬP LỤC CHƯƠNG
XẢ ÁI ĐẮC ĐẠO**

Phật ngôn: “Nhân hoại ái dục, bất kiến đạo giả. Thí như trứng thủy, trí thủ giao chi. Chúng nhân cộng lâm, vô hữu đồ kỳ ảnh giả. Nhân dĩ ái dục giao thác, tâm trung trước hưng, cố bất kiến đạo. Nhữ đẳng sa-môn đương xả ái dục. Ái dục cấu tận, đạo khả kiến hỹ.

**ĐỆ THẬP THẤT CHƯƠNG
MINH LAI ÁM TẠ**

Phật ngôn: phù kiến Đạo giả, thí như trì cự, nhập minh thất trung, Kỳ minh tức diệt, nhi minh độc tồn. Học Đạo kiến Đế, Vô minh tức diệt, nhi Minh thường tồn hỹ.

**ĐỆ THẬP BÁT CHƯƠNG
NIỆM ĐẲNG BỒN KHÔNG**

Phật ngôn: Ngô Pháp niệm vô niệm niệm, hành vô hành hạnh, ngôn vô ngôn ngôn, tu vô tu tu. Hội giả cận nhĩ, mê giả viễn hồ. Ngôn ngữ đạo đoạn, phi vật sở câu. Sai chi hào ly, thất chi tu du.

**ĐỆ THẬP CỬU CHƯƠNG
GIẢ CHÂN TỊNH QUÁN**

Phật ngôn: “Quán thiên địa, niệm phi thường; quán thế giới, niệm phi thường; quán linh giác, tức Bồ-đề. Như thị tri thức, đắc đạo tậ hỹ.”

**ĐỆ NHỊ THẬP CHƯỞNG
SUY NGÃ BỔN KHÔNG**

Phật ngôn: “Đương niệm thân trung tứ đại, các tự hữu danh, đô vô ngã giả. Ngã ký đô vô, kỳ như huyền nhĩ.”

**ĐỆ NHỊ THẬP NHẤT CHƯỞNG
DANH THANH TÁN BỔN**

Phật ngôn: “Nhân tùy tình dục, cầu ư thanh danh. Thanh danh hiển trước, thân dĩ cố hỹ! Tham thế thường danh, nhi bất học đạo, uổng công lao hình. Thí như thiêu hương, tuy nhân văn hương, hương chi tận hỹ. Nguy thân chi hỏa nhi tại kỳ hậu.”

**ĐỆ NHỊ THẬP NHỊ CHƯỞNG
TÀI SẮC CHIÊU KHỔ**

Phật ngôn: “Tài sắc ư nhân, nhân chi bất xả, thí như đao nhận hữu mật, bất túc nhất xan chi mỹ. Tiểu nhi thử chi, tắc hữu cát thiệt chi hoạn.”

**ĐỆ NHỊ THẬP TAM CHƯƠNG
THÊ TỬ THẬM NGỤC**

Phật ngôn: “Nhân hệ ư thê tử, xá trạch, thậm ư lao ngục. Lao ngục hữu tán thích chi kỳ, thê tử vô viễn ly chi niệm. Tình ái ư sắc, khởi đán khu trì? Tuy hữu hổ khẩu chi hoạn, tất tồn cam phục, đầu nê tự nịch, cố viết phàm phu. Thấu đắc thử môn, xuất trần La-hán.”

**ĐỆ NHỊ THẬP TỨ CHƯƠNG
SẮC DỤC CHƯỚNG ĐẠO**

Phật ngôn: “Ái dục mạc thậm ư sắc. Sắc chi vi dục, kỳ đại vô ngoại. Lại hữu nhất hỹ. Nhược sử nhị đồng, phổ thiên chi nhân, vô năng vi đạo giả hỹ.”

**ĐỆ NHỊ THẬP NGŨ CHƯƠNG
DỤC HỎA THIÊU THÂN**

Phật ngôn: “Ái dục chi nhân, do như chấp cự nghịch phong nhi hành. Tất hữu thiêu thủ chi hoạn.”

**ĐỆ NHỊ THẬP LỤC CHƯƠNG
THIÊN MA NHIÊU PHẬT**

Thiên thần hiến ngọc nữ ư Phật, dục hoại Phật ý. Phật ngôn: “Cách nang chúng uest, nhĩ lai hà vi? Khứ. Ngô bất dụng.” Thiên thần dĩ kính, nhân vấn đạo ý. Phật vị giải thuyết, tức đắc Tu-đà-hoàn quả.”

**ĐỆ NHỊ THẬP THẤT CHƯƠNG
VÔ TRƯỚC ĐẮC ĐẠO**

Phật ngôn: “Phù vi đạo giả, do mộc tại thủy, tâm lưu nhi hành. Bất xúc lưỡng ngạn, bất vi nhân thủ, bất vi quỷ thần sở già, bất vi hồi lưu sở trụ, diệc bất hủ bại. Ngô bảo thử mộc quyết định nhập hải.

Học đạo chi nhân, bất vi tình dục sở hoặc, bất vi chúng tà sở nhiễu, tinh tấn vô vi. Ngô bảo thử nhân tất đắc đạo hỹ.”

**ĐỆ NHỊ THẬP BÁT CHƯƠNG
Ý MÃ MẠC TÚNG**

Phật ngôn: “Thận vật tín nhữ ý, nhữ ý bất khả tín. Thận vật dĩ sắc hội, sắc hội

tức họa sanh. Đắc A-la-hán dĩ, nãi khả tín
nhữ ý.”

**ĐỆ NHỊ THẬP CỬU CHƯƠNG
CHÁNH QUÁN DỊCH SẮC**

Phật ngôn: “Thận vật thị nữ sắc, diệc
mạc cộng ngôn ngữ. Nhược dĩ ngữ giả,
chánh tâm tư niệm: Ngã vi Sa-môn, xử ư
trước thế, đương như liên hoa, bất vi nê
ô. Tưởng kỳ lão giả như mẫu, trưởng giả
như tử, thiếu giả như muội, trĩ giả như
tử, sanh độ thoát tâm, tức diệt ác niệm.”

**ĐỆ TAM THẬP CHƯƠNG
DỤC HỎA VIỄN LY**

Phật ngôn: “Phù vi đạo giả, như bị
càn thảo, hỏa lai tu tị. Đạo nhân kiến
dục, tất đương viễn chi.”

**ĐỆ TAM THẬP NHẤT CHƯƠNG
TÂM TỊCH DỤC TRỪ**

Hữu nhân hoạn dâm bất chỉ, dục tự
trừ âm. Phật vị chi viết: “Nhược đoạn kỳ

âm, bất như đoạn tâm. Tâm như công tào. Công tào nhược chỉ, từng giả đô tức. Tà tâm bất chỉ, đoạn âm hà ích?”

Phật vị thuyết kệ:

“Dục sanh ư nhữ ý,
Ý dĩ tư tưởng sanh;
Nhị tâm các tịch tĩnh,
Phi sắc diệt phi hành.”

Phật ngôn: “Thử kệ thị Ca-diếp Phật thuyết.”

**ĐỆ TAM THẬP NHỊ CHƯƠNG
NGÃ KHÔNG BỐ DIỆT**

Phật ngôn: “Nhân từng ái dục sanh ưu, từng ưu sanh bố. Nhược ly ư ái, hà ưu, hà bố?”

**ĐỆ TAM THẬP TAM CHƯƠNG
TRÍ MINH PHÁ MA**

Phật ngôn: “Phù vi đạo giả, thí như nhất nhân dữ vạn nhân chiến, quả khái xuất môn, ý hoặc khiếp nhược, hoặc bán

lộ nhi thối, hoặc cách đấu nhi tử, hoặc đắc thắng nhi hoàn. Sa-môn học đạo, ứng đương kiên trì kỳ tâm, tinh tấn dũng nhuệ, bất úy tiền cảnh, phá diệt chúng ma, nhi đắc đạo quả.

ĐỆ TAM THẬP TỬ CHƯƠNG
XỬ TRUNG ĐẮC ĐẠO

Hữu sa-môn dạ tụng Ca-diếp Phật Di giáo kinh. Kỳ thanh bi khẩn, tư hối dục thối. Phật vấn chi viết: “Nhữ tích tại gia, tăng vi hà nghiệp?”

Đối viết: “Ái đàn cầm.”

Phật ngôn: “Huyền hoãn như hà?”

Đối viết: “Bất minh hỹ.”

“Huyền cấp như hà?”

Đối viết: “Thanh tuyệt hỹ.”

“Cấp hoãn đắc trung như hà?”

Đối viết: “Chư âm phổ hỹ.”

Phật ngôn: “Sa-môn học đạo diệt nhiên. Tâm nhược điều thích, đạo khả

đắc hỷ. Ủ đạo nhược bạo, bạo tức thân bì. Kỳ thân nhược bì, ý tức sanh não. Ý nhược sanh não, hành tức thối hỷ. Kỳ hành ký thối, tội tất gia hỷ. Đản thanh tịnh an lạc, đạo bất thất hỷ.”

ĐỆ TAM THẬP NGŨ CHƯƠNG
CẦU KHỨ MINH TỒN

Phật ngôn: “Như nhân đoán thiết, khứ tế thành khí; khí tức tinh hảo. Học đạo chi nhân khứ tâm cầu nhiễm, hạnh tức thanh tịnh hỷ.

ĐỆ TAM THẬP LỤC CHƯƠNG
TRIỂN CHUYỂN HOẠCH THẮNG

Phật ngôn: “Nhân ly ác đạo, đắc vi nhân nan.

“Ký đắc vi nhân, khứ nữ tức nam nan.

“Ký đắc vi nam, lục căn hoàn cụ nan.

“Lục căn ký cụ, sanh trung quốc nan.

“Ký sanh trung quốc, trị Phật thế nan.

“Ký tri Phật thế, ngộ đạo giả nan.

“Ký đắc ngộ đạo, hưng tín tâm nan.

“Ký hưng tín tâm, phát Bồ-đề tâm nan.

“Ký phát Bồ-đề tâm, Vô tu vô chứng nan.”

ĐỆ TAM THẬP THẤT CHƯƠNG NIỆM GIỚI CẬN ĐẠO

Phật ngôn: “Phật tử ly ngũ sở thiên lý, ức niệm ngũ giới, tất đắc đạo quả. Tại ngũ tả hữu, tuy thường kiến ngũ, bất thuận ngũ giới, chung bất đắc đạo.”

ĐỆ TAM THẬP BÁT CHƯƠNG SANH TỨC HỮU DIỆT

Phật vấn sa-môn: “Nhân mạng tại kỷ gian?” Đối viết: “Sở nhật gian.” Phật ngôn: “Tử vị tri đạo.”

Phục vấn nhất sa-môn: “Nhân mạng tại kỷ gian?”

Đối viết: “Phạn thực gian.”

Phật ngôn: “Tử vị tri đạo.”

Phục vấn nhất sa-môn: “Nhân mạng tại kỷ gian?”

Đối viết: “Tại hô hấp gian.”

Phật ngôn: “Thiện tai! Tử tri đạo hỹ.”

**ĐỆ TAM THẬP CỬU CHƯƠNG
GIÁO HỐI VÔ SAI**

Phật ngôn: “Học Phật đạo giả, Phật sở ngôn thuyết, giai ứng tín thuận. Thí như thực mật, trung biên giai điềm. Ngô kinh diệc nhĩ.”

**ĐỆ TƯ THẬP CHƯƠNG
HÀNH ĐẠO TẠI TÂM**

Phật ngôn: “Sa-môn hành đạo, vô như ma ngư. Thân tuy hành đạo, tâm đạo bất hành. Tâm đạo nhược hành, hà dụng hành đạo?”

**ĐỆ TỬ THẬP NHẤT CHƯƠNG
TRỰC TÂM XUẤT DỤC**

Phật ngôn: “Phù vi đạo giả, như ngư phụ trọng, hành thâm nê trung. Bì cực, bất cảm tả hữu cố thị. Xuất ly ứ nê, nãi khả tô tức. Sa-môn đương quán tình dục thậm ư ứ nê, trực tâm niệm đạo, khả miễn khổ hỹ.”

**ĐỆ TỬ THẬP NHỊ CHƯƠNG
ĐẠT THẾ TRI HUYỄN**

Phật ngôn: “Ngô thị vương hầu chi vị như quá khích trần; thị kim ngọc chi bửu như ngõa lịch; thị hoàn tố chi phục như tộ bạch; thị đại thiên giới như nhất ha tử; thị A-nậu trì thủy như đồ túc du.

“Thị phương tiện môn như hóa bửu tộ; thị Vô thượng thừa như mộng kim bạch; thị Phật đạo như nhãn tiên hoa; thị thiên định như Tu-di trụ; thị Niết-bàn như trú tịch ngộ; thị đảo chánh như lục

long vũ; thị bình đẳng như nhất chân địa;
thị hưng hóa như tứ thời mộc.”

Chư đại tỳ-kheo văn Phật sở thuyết,
hoan hỷ phụng hành.

TỬ THẬP NHỊ CHƯƠNG KINH
CHUNG

PHẦN DỊCH NGHĨA

KINH BỐN MƯỜI HAI CHƯƠNG

(Đời Hậu Hán, các vị Ca-diếp Ma-đăng và Pháp Lan cùng dịch)

BÀI TỰA KINH

Đức Thế Tôn khi thành đạo rồi, tự nghĩ rằng: “Lìa bỏ ái dục, được lẽ tịch tĩnh, ấy là hay hơn hết.” Ngài trụ nơi đại thiên định, hàng phục các ma chướng.

Ngài ở nơi vườn Lộc gần thành Ba-la-nại mà chuyển bánh xe Pháp, thuyết Tứ diệu đế, độ cho nhóm ông Kiều-trần-như năm người đều đắc đạo.

Có những tỳ-kheo thưa hỏi chỗ nghi của mình, Phật nhân đó chỉ dạy làm cho mọi người đều được khai ngộ. Thấy đều chấp tay cung kính, vâng thuận theo lời dạy của Phật.¹

¹ Bài tựa kinh có lẽ do những người soạn kinh đưa vào, cho thấy kinh này được biên soạn từ những lời chỉ dạy của Phật, ghi lại những chỗ cốt yếu làm kim chỉ nam cho người tu tập. Vì thế không thấy giống như các kinh khác, đa phần là

CHƯƠNG THỨ NHẤT XUẤT GIA CHỨNG QUẢ

Phật dạy: “Từ già người thân, lìa bỏ gia đình, thấu biết lẽ tâm,¹ đạt tới nguồn cội² hiểu pháp vô vi,³ đó gọi là sa-môn.⁴ Vị sa-môn thường giữ trọn hai trăm năm mươi giới,⁵ mọi hành vi⁶ thấy đều thanh

do ngài A-nan thuật lại sau khi nghe chính từ miệng Phật nói ra. Có lẽ cũng do được biên soạn về sau, nên qua nhiều lần in ấn đã có nhiều thay đổi. Hiện có hai dị bản khác nhau khá xa. Khi hiệu đính kinh này, chúng tôi đã tham khảo cả hai bản để bổ khuyết cho nhau. Kinh này xuất hiện khá sớm ở Trung Hoa. Theo “Thế giới sự đại biểu” của Từ Hải thì vào khoảng niên hiệu Vĩnh Bình thứ 8 đời Hiếu Minh Đế nhà Hậu Hán, tức là năm 65 theo dương lịch.

¹ Thấu biết lẽ tâm: Hiểu biết rằng tâm này vốn thanh tịnh, chân thật. Kinh Bát-nhã nói: “Đối với tất cả các pháp, tâm là thiện đạo.” (bậc dẫn dắt giỏi). Nếu biết được tâm, thì biết rõ các pháp. Tất cả thế pháp đều do tâm sanh.

² Đạt tới nguồn cội: Thông đạt tới chỗ nguồn cội là Thật tướng, Pháp thân, Chân như, vì đó là cái gốc hóa ra muôn hình vạn trạng.

³ Pháp vô vi: Đối với pháp hữu vi. Vô vi là pháp không tạo tác, không có bốn tướng sanh, trụ, dị, diệt.

⁴ Sa-môn: Viết trọn là sa-môn-na, do tiếng Phạn là Sramana, nghĩa là vị tu sĩ xuất gia giữ tịnh hạnh. Có các nghĩa là: cần giả (Người siêng năng làm các điều thiện), tức giả (người dứt bỏ các nghiệp ác), bần giả (người chịu sống cảnh thiếu thốn, nghèo túng về vật chất).

⁵ Hai trăm năm mươi giới: Cũng gọi là Cụ túc giới, là giới hạnh đầy đủ của một vị tỳ-kheo.

⁶ Kinh vẫn là “tấn chỉ”, nghĩa là “tối lui”, ở đây hàm ý chỉ hết thấy mọi hành động. Bản khác là “tấn chí thanh tịnh”, nghĩa là “tiến tới chỗ thanh tịnh”, thấy không hợp với chỗ đang nói về 250 giới. Theo như nghĩa “tấn chỉ” thì hợp lý hơn, vì nói rộng thêm về oai nghi của vị sa-môn.

ịnh, làm theo Bốn chân lý,¹ thành A-la-hán.² Vị A-la-hán có thể bay trên không trung, hiện hóa các phép thần thông, đời sống dài trọn kiếp. Vị ấy ở đâu thì cảm động cả đất trời.

Quả vị thấp hơn là A-na-hàm.³ Vị A-na-hàm, khi mạng chung sanh lên tầng trời thứ mười chín⁴ rồi chứng quả A-la-hán.

Quả vị thấp hơn là Tư-đà-hàm.⁵ Vị

¹ Bốn chân lý: Tức là Tứ chân đế, cũng gọi là Tứ thánh đế, Tứ diệu đế, hay Tứ đế. Tiếng Phạn là Catvariaryasatyanu. Bốn chân lý do Phật thuyết dạy là: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Ý nghĩa như sau:

Khổ: Các chúng sanh trong sáu nẻo đều không ai thoát khỏi những sự khổ não, như sanh, già, bệnh, chết, mong cầu không được, thương yêu phải xa lìa...

Tập: Nguyên nhân các sự khổ là lòng ham muốn.

Diệt: Muốn dứt khổ, trước phải dứt lòng ham muốn.

Đạo: Phương pháp, con đường để diệt khổ, đó là thực hành đạo Bát chánh đạo, gồm có: Chánh tri kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định.

² A-la-hán: Tiếng Phạn là Arahat, quả thánh cao nhất trong bốn quả thánh của Tiểu thừa. Người đắc quả thánh này gọi là A-la-hán, có ba nghĩa:

Sát tặc: giết giặc nghịch, ở đây là chỉ giặc phiền não.

Ứng cúng: Xứng đáng thọ nhận sự cúng dường của chư thiên, nhân loại, nghĩa là có đầy đủ oai nghi, phước đức.

Bất sanh: Nghiệp lực đã dứt, chẳng còn phải sanh trở lại chốn thế gian.

³ A-na-hàm: Quả thánh thứ ba, tiếng Phạn là Anāgāmin, chỉ thấp hơn quả A-la-hán. Hán dịch là Bất lai hoặc Bất hoàn, nghĩa là không còn phải tái sanh trở lại nhân gian.

⁴ Tầng trời thứ mười chín: Thập cửu thiên. Các cảnh trời trong Tam giới phân ra làm ba mươi tầng. Từ dưới kể lên có 6 tầng thuộc Dục giới, 20 tầng thuộc Sắc giới, và 4 tầng thuộc Vô sắc giới. Tầng trời thứ 19 tức là Quảng quả Thiên (Brhatphala) ở Sắc giới, là cảnh cao nhất trong ba cảnh của Tứ thiên thiên.

⁵ Tư-đà-hàm: Quả thánh thứ hai, thấp hơn quả A-na-hàm và A-la-hán, tiếng Phạn là Sakṛdāgāmin. Hán dịch là Nhất lai, nghĩa là còn một lần sanh trở lại nhân gian trước khi chứng quả A-la-hán.

Tu-đà-hàm còn một lần sanh lên cõi trời và một lần trở lại cõi người, rồi chứng quả A-la-hán.

Quả vị thấp hơn nữa là Tu-đà-hoàn.¹ Vị Tu-đà-hoàn còn bảy lần chết, bảy lần sanh mới chứng quả A-la-hán.

“Khi người ta đoạn tuyệt ái dục² rồi [thì ái dục đó] ví như tay chân bị chặt đứt, chẳng còn dùng được nữa.”³

CHƯƠNG THỨ HAI TRỪ DỤC ĐỨT TÌNH

Phật dạy: “Vị sa-môn xuất gia cắt đứt tình dục, lìa bỏ luyến ái, thấu hiểu tận nguồn tâm,⁴ đạt lý thâm diệu của Phật,

¹ Tu-đà-hoàn: Quả thánh đầu tiên, hay Sơ quả, thấp nhất trong bốn quả thánh của Tiểu thừa, tiếng Phạn là *Śrotāpanna*. Hán dịch là Nhập lưu hay Dự lưu, nghĩa là người mới nhập vào dòng. Ở đây có nghĩa là dòng thánh.

² Ái dục: Ái là tham ái, dục là tham dục, đôi khi cũng chỉ gọi là ái. Đó là lòng luyến ái ham muốn do sáu căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, tâm) đối với sáu trần (hình sắc, âm thanh, hương, vị, cảm xúc, các pháp) mà khởi lên.

³ Cả bốn thánh quả đều do cắt đứt ái dục mà chứng đắc. Ái dục làm cho con người tạo thành nghiệp quả, do nghiệp quả mà lưu chuyển trong luân hồi. Ái dục bị cắt đứt cũng như tay chân bị chặt đứt, không còn tạo nghiệp nữa.

⁴ Nguồn tâm: Bản thể của tâm. Luận Bồ-đề tâm nói: “Nếu vọng tâm khởi, thì biết mà chẳng theo. Khi mối vọng ấy bị dẹp đi, thì nguồn tâm trở nên không không tịch tịnh. Như vậy muôn đức đều đủ, diệu dụng vô cùng.

rõ pháp vô vi, trong không có chỗ chứng đắc,¹ ngoài không có chỗ mong cầu,² tâm chẳng trói buộc vào đạo, cũng chẳng tạo thêm nghiệp quả, không chỗ niệm tưởng,³ không tạo tác,⁴ chẳng tu chẳng chứng,⁵ chẳng trải qua các quả vị, tự nhiên cao tới tột bậc.⁶ Đó gọi là đạo.”⁷

¹ Không có chỗ chứng đắc: Vô sở đắc, tự thấy mình không có gì gọi là chứng đắc. Kinh Niết-bàn nói: “Không chỗ chứng đắc, đó gọi là Huệ; có chỗ chứng đắc, đó gọi là Vô minh... Có chỗ chứng đắc gọi là vòng sanh tử. Tất cả phàm phu đều luân hồi sanh tử, nên có chỗ chứng đắc. Bồ Tát đoạn dứt sanh tử, cho nên không có chỗ chứng đắc.”

² Không có chỗ mong cầu: Vô sở cầu, không cần cầu mong gì cả. Nếu cầu mà chẳng được thì sanh khổ. Người không có chỗ mong cầu tức thoát được mối khổ này.

³ Không chỗ niệm tưởng: Vô niệm, ở đây là vọng niệm, sự tưởng nhớ lăng xăng, chạy theo trần cảnh. Kinh Tam Huệ nói: “Không ý, không niệm, thì muôn sự đều thành. Trong ý có trăm mối niệm, thì muôn sự đều hại.”

⁴ Không tạo tác: Vô tác, mọi hành vi không còn sự cố ý tạo tác nữa, chỉ tùy theo nhân duyên mà sanh khởi, diệt mất. Kinh Vô lượng thọ nói: “Không tạo tác, không sanh khởi, nhìn thấy các pháp như huyền hóa.”

⁵ Chẳng tu chẳng chứng (Phi tu phi chứng): Tự mình vốn có Phật tánh, chẳng do tu tập mà sanh ra. Khởi tâm tu chứng tức là mong cầu được chứng quả, lại cũng rơi vào chỗ mong cầu. Chỉ tự thanh tịnh bản tâm, đạo tự nhiên hiển hiện. Đó là chỗ không chứng mà chứng, nên nói là chẳng tu, chẳng chứng.

⁶ Chẳng trải qua các quả vị (Bất lịch chư vị): Không chấp lấy các quả vị, đó chỉ là những trình tự chứng đạo tự nhiên đạt đến. Ý này cũng giống như câu phi tu phi chứng ở trên. Lại cũng có thể hiểu là sự trực ngộ Phật tánh không phụ thuộc vào các trình tự chứng đắc. Vì vậy nên nói là tự nhiên cao tới tột bậc.

⁷ Đối chiếu dị bản không thấy có chương này. Theo ý hướng thì phải phát nghịêng về giáo lý Đại thừa, không thuần túy nói giáo pháp Tứ đế như những chương khác, có lẽ do người sau thêm vào.

CHƯƠNG THỨ BA DỨT BỎ THAM ÁI

Phật dạy: “Người cạo bỏ râu tóc¹ làm sa-môn, lãnh thọ giáo pháp, lìa bỏ tài sản thế gian, khát thực vừa đủ ăn. Mỗi ngày chỉ ăn một lần, dưới cội cây chỉ nghỉ một đêm, tránh không lạp lại.² Ấy là vì biết rằng lòng luyến ái và ham muốn làm cho người ta ngu tối.”

CHƯƠNG THỨ TƯ PHÂN RÕ LÀNH DỮ

Phật dạy: “Chúng sanh³ có mười việc gọi là lành, lại cũng có mười việc gọi là dữ. Những gì là mười? Ba việc do thân tạo

¹ Cạo bỏ râu tóc: Người xuất gia theo Phật cạo bỏ râu tóc để chứng tỏ rằng mình đã dứt bỏ những ham muốn, ràng buộc thế tục và dẹp trừ lòng kiêu mạn, tự thị.

² Vị tỳ-kheo ăn mỗi ngày một lần vào giờ ngọ, quá giờ thì chẳng ăn. Không ngủ dưới một gốc cây trong hai đêm liên tiếp, vì sợ rơi vào chỗ ham thích, tham luyến nơi gốc cây ấy.

³ Chúng sanh: Tiếng Phạn là Sattva (Tát-đỏa), Hán dịch là Chúng sanh, hay hữu tình, hữu thức, hàm sanh... Chỉ chung cho các loài trong Ba cõi, Sáu đường. Thọ nghiệp sanh tử liên miên trong vòng luân hồi, nên gọi chung là chúng sanh. Chúng sanh sanh ra bằng bốn cách: Thai sanh (sanh từ bào thai), noãn sanh (sanh ra từ trứng), thấp sanh (sanh từ chỗ ẩm ướt), hóa sanh (sanh ra do sự biến hóa).

ra là: sát sanh,¹ trộm cắp,² dâm dục.³ Bốn việc do miệng tạo ra là: nói hai lưỡi,⁴ nói ác,⁵ nói dối,⁶ nói thêu dệt.⁷ Ba việc do ý tạo ra là: ganh ghét, sân hận, ngu si. Làm mười việc ấy chẳng thuận theo Thánh đạo, nên gọi là dữ. Nếu dừng được mười việc dữ ấy, thì gọi là mười việc lành.”

¹ Sát sanh: giết chết, đoạn dứt một hay nhiều sanh mạng với ác ý. Kinh Niết bàn nói: Tội sát có ba bậc: Hạ, Trung, Thượng. Hạ là giết hại mạng chúng sanh, cho dù là một con kiến, cho đến bất kỳ loài nào trong các loại súc sanh. Do tội ấy, kẻ phạm tội sẽ đọa vào ba đường ác: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, chịu khổ bậc dưới, bậc nhẹ. Tại sao vậy? Vì những súc sanh ấy có thiện căn nhỏ, cho nên kẻ giết thọ đủ quả báo theo bậc ấy. Trung là giết từ kẻ phạm phụ lần lên cho vị chứng quả A-na-hàm. Kẻ phạm tội sẽ đọa ở ba nẻo ác, chịu khổ báo bậc trung. Thượng là giết cha, giết mẹ hoặc một vị A-la-hán, hoặc Phật Bích-chi. Kẻ phạm tội sẽ đọa ở địa ngục Vô gián, chịu khổ báo nặng nề nhất.

² Trộm cắp: Nói chung bất cứ vật gì thuộc sở hữu kẻ khác, chẳng đồng ý cho mà mình tìm cách để đoạt lấy, dù công khai hay lén lút, đều là phạm vào tội này.

³ Dâm dục: tình dục giữa nam nữ với nhau. Người tu Phật xuất gia dứt bỏ hẳn sự dâm dục. Người tại gia thì tránh sự tà dâm, nghĩa là không làm sự dâm dục với người không phải vợ hoặc chồng mình.

⁴ Hai lưỡi: Tức là nói lời không chân thật, trước sau chẳng như nhau, thường là nhằm để ly gián người khác, hoặc làm cho người này và người kia ghét nhau, oán nghịch nhau.

⁵ Nói ác: Nói chung là những lời độc ác, như mắng, chửi, phỉ báng, nguyền rủa người khác.

⁶ Nói dối: Nói chung là những lời không đúng sự thật, chuyện không nói có, chuyện có nói không...

⁷ Nói thêu dệt: Lời nói ra với dụng ý, do đó mà uốn nắn, thêu dệt, cố tình dùng văn chương hoa mỹ mà làm cho người nghe hiểu sai sự thật hoặc phải theo ý mình.

**CHƯƠNG THỨ NĂM
CHUYỂN NẶNG THÀNH NHẸ**

Phật dạy: “Người ta có những sự lầm lỗi mà chẳng biết tự hối, dứt bỏ ngay đi, thì tội lỗi tích tụ nơi thân mình, như nước đổ về biển, mỗi ngày lại càng thêm sâu rộng. Nếu người có lỗi mà tự biết sai lầm, bỏ dứt làm lành, thì tội tự tiêu diệt; như bệnh toát ra mồ hôi, dần dần được thuyên giảm.”

**CHƯƠNG THỨ SÁU
NHỊN KẺ ÁC KHÔNG GIẬN**

Phật dạy: “Kẻ ác nghe việc lành cho nên đến quấy rối. Chư tỳ-kheo, hãy lặng yên nhin chịu đừng giận trách chi. Kẻ ấy làm điều dữ là tự chuốc lấy sự dữ cho mình.”

**CHƯƠNG THỨ BẢY
LÀM ÁC GẶP ÁC**

Phật dạy: “Có người nghe Phật giảng đạo, hết sức nhân từ, vì thế mà đến mắng chửi. Phật lặng thinh chẳng đáp. Chờ khi người ấy mắng xong, Phật hỏi rằng: Ông

mang lễ vật tặng người, nếu người chẳng nhận thì lễ vật ấy có trở về với ông chẳng?

“Đáp rằng: Có.

“Phật nói: Nay ông đến mắng ta, ta chẳng nhận, tức là tự ông mang lấy họa về cho chính mình. Cũng như tiếng dội ứng với âm thanh, bóng theo với hình, chẳng hề lìa nhau. Phải thận trọng chớ nên làm điều hung dữ.”

CHƯƠNG THỨ TÁM TỰ LÀM XẤU MÌNH

Phật dạy: “Kẻ hung dữ hại người hiền, cũng như ngựa mặt lên trời mà phun nước miếng. Nước miếng ấy chẳng lên đến trời, lại rơi xuống mình. Lại như kẻ ngược chiều gió mà tung bụi. Bụi ấy chẳng đến người khác, lại bám lấy mình. Nên chẳng thể làm hại người hiền lành được, mà tai họa sẽ trở lại cho kẻ hung ác.”

CHƯƠNG THỨ CHÍN VỀ NGUỒN HIỂU ĐẠO

Phật dạy: “Lấy sự nghe biết nhiều, luyến mến nơi đạo, ắt khó mà hiểu đạo. Bền chí phụng sự theo đạo thì mới hiểu thấu đạo rất sâu rộng.”

CHƯƠNG THỨ MƯỜI TÁN TRỢ ĐƯỢC PHƯỚC

Phật dạy: “Thấy hạnh bố thí¹ của người khác, đem lòng hoan hỷ mà tán trợ thì được phước rất lớn.”

Một vị sa-môn thưa hỏi Phật rằng: “Phước ấy có hết chăng?”

Phật dạy: “Tỷ như lửa từ một cây đuốc, hàng trăm ngàn người đều đến摸 ra để nấu ăn hay soi sáng, cây đuốc kia vẫn còn như cũ. Phước đức ấy cũng như vậy đó.”

¹ Bố thí: Có ba cách thí: 1. Tư sanh thí hay Tài thí: thí của cải cho người khác; 2. Pháp thí: đem đạo lý mà giảng giải, truyền bá; 3. Vô úy thí: đem sự yên ổn, không lo sợ đến cho người khác, nhất là trong những khi họ gặp nguy nan, hoạn nạn.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI MỘT ĐÀI CƠM KHÁC BIỆT

Phật dạy: “Bố thí cơm ăn cho trăm kẻ ác, chẳng bằng bố thí cơm ăn cho một người thiện.

“Thí cho ngàn người thiện, chẳng bằng thí cho một người giữ năm giới cấm.¹

“Thí cho vạn người giữ năm giới cấm, chẳng bằng cúng dường một vị Tu-đà-hoàn.

“Cúng dường trăm vạn vị Tu-đà-hoàn, chẳng bằng cúng dường một vị Tư-đà-hàm.

“Cúng dường ngàn vạn vị Tư-đà-hàm, chẳng bằng cúng dường một vị A-na-hàm.

“Cúng dường một ức vị A-na-hàm, chẳng bằng cúng dường một vị A-la-hán.

“Cúng dường mười ức vị A-la-hán, chẳng bằng cúng dường một vị Phật Bích-chi.²

¹ Năm giới cấm là: 1. Không sát sanh, 2. Không trộm cắp, 3. Không tà dâm, 4. Không nói dối, 5. Không uống rượu. Năm giới này áp dụng cho hàng cư sĩ tại gia.

² Phật Bích-chi, nói đủ là Bích-chi-ca Phật-đà, do tiếng Phạn là Pratyeka-Bouddha. Hán dịch là Độc giác hay Duyên giác. Vị Phật Bích-chi sanh ra vào lúc không

“Cúng dường trăm ức vị Phật Bích-chi, chẳng bằng cúng dường một vị Phật ba đời.¹

Cúng dường ngàn ức vị Phật ba đời, chẳng bằng cúng dường một người Vô niệm, vô trụ, vô tu, vô chứng.²

CHƯƠNG THỨ MƯỜI HAI KHÓ NHỌC NÊN GẮNG TU³

Phật dạy: “Người ta có hai mươi sự khó làm, khó được:⁴

1. Nghèo khổ mà làm được việc bố thí là khó.⁵

Phật Như-lai ra đời, tự mình tu học mà giác ngộ, nhập Niết-bàn, nên gọi là Độc giác. Vị Phật Bích-chi nhờ quán xét Thập nhị nhân duyên mà giác ngộ, nên gọi là Duyên-giác.

¹ Phật ba đời: Vị Phật của cả ba đời là quá khứ, hiện tại và vị lai. Phật, nghĩa là vị đã chứng nhập Niết-bàn hoàn toàn, không còn bị chi phối bởi không gian và thời gian.

² Người Vô niệm, vô trụ, vô tu, vô chứng: Người dứt sạch vọng niệm, tâm không có chỗ vướng mắc, thấu rõ thật tướng bản lai không do tu chứng mà có được. Đoạn này ý nói đến Tự thân Phật. Người nhận ra tánh Phật của mình mà quy ngưỡng, cao quý hơn gấp ngàn ức lần việc hướng đến Phật bên ngoài mà hiến cúng. Đoạn này cũng có vẻ theo khuynh hướng Đại thừa, đối chiếu với dị bản thì có nhiều khác biệt. Có lẽ đã có sự chỉnh sửa.

³ Đề tựa chương này là “Cử nan khuyến tu”, nghĩa là nêu lên những sự khó khăn để khuyến người cố gắng tu tập.

⁴ Trong dị bản chỉ thấy có 5 điều, không phải 20. Ấy là 5 điều đầu tiên kể từ trên xuống. Chúng tôi giữ nguyên theo bản này là 20 điều, mặc dù thấy cũng có một số điều trùng lặp, hoặc theo tinh thần Đại thừa, không nhất quán với toàn văn kinh.

⁵ Bố thí là việc được phước đức. Có tiền của để bố thí thì không khó lắm, nhiều

2. Giàu sang quyền quý mà học được đạo là khó.¹

3. Dám bỏ mạng sống đi vào chỗ chết là khó.²

4. Được thấy kinh Phật là khó.³

5. Sinh ra lúc có Phật ra đời là khó.⁴

6. Tự chế sự ham muốn sắc dục là khó.⁵

người làm được. Nhưng kẻ nghèo túng, tự mình chưa đủ cơm ăn áo mặc mà phát tâm bố thí cho kẻ khác, điều đó mới khó làm. Ấy là chuyện “Lá rách đùm lá nát”, khó làm lắm thay.

¹ Người phát tâm học đạo là khó. Nhưng sanh trong nhà quyền quý, giàu sang, hưởng mọi sự sung sướng, đầy đủ mà học được đạo mới là điều khó. Bởi học đạo thì phải từ bỏ những sự sung sướng vật chất giả tạm, mà nó lại đang cuốn hút quanh mình mỗi ngày. Việc ấy thật khó làm.

² Kinh văn là “tất tử”, nghĩa là chắc chắn sẽ chết. Người dám liều mạng sống đã là việc khó, nhưng hầu như ít nhiều cũng còn có phần hy vọng sống sót, như người lính ra trận chẳng hạn. Kẻ biết chắc chắn sẽ chết mà vẫn dám liều thân, việc ấy mới thật rất khó làm.

³ Thấy được kinh Phật là rất khó, bởi không đủ nhân duyên thì chẳng được thấy. Nhiều người được nhìn thấy, nhưng chẳng có lòng tin, chẳng thể đọc hiểu, thì cũng chẳng gọi là được thấy. Nếu thật được thấy kinh Phật, tức cũng như nghe lời Phật thuyết, học được đạo Phật, tu hành quyết định thành Phật, chẳng phải là khó lắm sao?

⁴ Chư Phật ra đời rất khó gặp, mỗi vị đều phải hội đủ nhân duyên mới xuất thế. Chỉ riêng ở địa cầu này, từ Phật Thích-ca đến nay đã hơn 2.500 năm chưa có vị Phật thứ hai xuất hiện. Lại nữa, dù sanh ra cùng thời với Phật mà không đủ duyên lành cũng không gọi là gặp Phật. Như thời đức Phật Thích-ca, toàn cõi Ấn Độ chẳng phải ai ai cũng được Phật độ, mà ngoại đạo tà thuyết cũng rất đông. Nếu xét trên toàn cầu thì số ấy càng lớn nữa. Lòng từ bi của Phật dẫu bao trùm hết thấy chúng sanh, nhưng tự mình không có căn lành cũng chẳng làm sao gặp Phật. Nên nói được gặp Phật là rất khó vậy.

⁵ Kinh văn là “nhẫn sắc nhẫn dục”, nhẫn ở đây không phải nhẫn nhục, mà là chịu đựng, kiềm chế. Cõi Ta-bà này gọi là Dục giới, bởi mạng sống của chúng sanh tồn tại và luân chuyển do nơi sắc dục, nên biết sắc dục lôi cuốn người ta rất mạnh. Tự chế được sự ham muốn sắc dục mà hành xử đúng đắn, hợp chánh đạo là điều rất khó.

7. Thấy vật tốt đẹp mà chẳng mong cầu là khó.¹

8. Bị nhục mà không giận là khó.²

9. Có thể lực mà không ý cậy là khó.³

10. Gặp việc mà lấy tâm vô tư ứng xử là khó.⁴

11. Học rộng mà vẫn tham khảo nhiều là khó.⁵

¹ Kinh văn là “kiến hảo bất cầu”, chữ “hảo” là tốt đẹp. Người đời tâm tham thì thấy vật gì tốt đẹp cũng khởi tâm mong cầu, cho dầu mình không cần đến. Nhận biết được vật tốt mà không mong cầu cho mình là điều rất khó, còn nếu đã khởi tâm ham thích, ưa muốn tức đã đi hết một nửa đường đến chỗ mong cầu rồi.

² Đây chính là hạnh nhẫn nhục của Bồ Tát. Người đời khi bị sỉ nhục tất sanh lòng oán hận, giận dữ. Bởi sự xúc phạm về thân thể như đánh đập, xô đẩy, đôi khi còn có thể nhẫn chịu được, còn sự xúc phạm về tinh thần nó ngấm ngấm mà tác động đến con người mạnh mẽ hơn gấp bội. Nên nhà Nho có câu “Ứng thọ tử bất ứng thọ nhục.” (Thà chịu chết chứ chẳng chịu nhục.) Đủ biết sự nhục mạ nó làm thương tổn người đời như thế nào. Khi mình bị kẻ khác làm nhục mà giữ được tâm thân nhiên không hờn giận, chỉ có thể là kẻ biết tu hạnh nhẫn nhục. Việc ấy rất khó làm.

³ Người đời khi có thể lực thì trong tâm thường sanh cống cao, ngã mạn, ý cậy vào đó rồi coi thường, hiếp chế người khác. Kẻ hiểu đạo nhìn thấy tất cả danh vọng quyền thế như bèo nổi mây trôi mới có thể dẹp trừ tâm kiêu mạn ấy. Cho nên người có thể lực mà không ý cậy chính là người hiểu đạo, thật rất khó làm.

⁴ Kinh văn là “xúc sự vô tâm”, “vô tâm” ở đây không thể hiểu là “không có tâm”, mà là khi tiếp cận với sự việc chỉ thuận theo lẽ đạo mà làm, chẳng để cho nó cuốn hút mình vào vòng lo nghĩ, ưu tư, cũng không để cho những định kiến hoặc lòng yêu, ghét chi phối vào. Trước đây có bản dịch là “gặp việc không quan tâm”, e rằng không đúng. Vì người gặp việc không quan tâm là người không có lòng nhân, chưa nói là trái với lời Phật dạy.

⁵ Người học rộng biết nhiều thường sanh ra tự phụ, ít khi chịu tham cứu kiến giải của người khác. Kẻ tự mình học rộng biết nhiều, nhưng vẫn chịu khó thận trọng mà tham khảo, cứu xét kỹ lưỡng nhiều nơi, quả là việc rất khó làm, vì dẹp bỏ được sự tự cao, tự mãn của mình.

12. Trừ diệt tánh ngã mạn là khó.¹

13. Chẳng khinh người chưa học là khó.²

14. Giữ tâm bình đẳng là khó.³

**15. Chẳng nói những chuyện thị phi là
khó.⁴**

16. Gặp thiện tri thức là khó.⁵

¹ Ngã mạn là gốc của muôn tội xấu. Vì chấp lấy cái ta, lúc nào cũng xem ta là hay giỏi hơn kẻ khác nên làm chướng ngại cho sự học đạo. Nói trừ diệt ngã mạn là khó, bởi vì tâm ngã mạn rất khó đoạn trừ, cho đến nhiều lúc tồn tại rất vi tế mà ta chẳng nhận ra được. Vì thế mà nhiều bậc đạo cao đức trọng, khi thọ nhận sự cung kính lễ bái của người đời cũng vẫn sanh tâm ngã mạn rất khó tự biết.

² Người có chút kiến giải, tri thức hơn người khác, do tâm ngã mạn mà khinh thường những kẻ thấp kém hơn mình. Kẻ hiểu đạo nhận biết rằng người thấp kém ấy chẳng qua là vì chưa được học, nên chẳng dám sanh tâm khinh thường. Lại nói, trong đạo Phật theo Đại thừa, hết thảy chúng sanh đều là Phật sẽ thành, nên càng chẳng dám khinh thường. Kinh Pháp Hoa dẫn chuyện Bồ Tát Thường Bất Khinh, dù gặp bất cứ ai cũng đều cung kính lễ bái, biết rằng vị ấy về sau sẽ thành Phật. Như vậy, nếu chẳng khinh thường người chưa học, đó chính là người hiểu đạo, thật khó làm thay!

³ Tâm bình đẳng là không thiên vị, không phân biệt kẻ thân người sơ, kẻ nam người nữ, kẻ sang người hèn, kẻ giàu người nghèo, kẻ già người trẻ. Đem lòng thương tất cả chúng sanh như nhau.

⁴ Thị là phải, đúng. Phi là sai, trái. Chuyện thị phi ở đây là chuyện phải quấy của người khác. Tự mình hãy lo tu học, sửa mình, chẳng nên lo bàn chuyện thiên hạ. Thế nhưng tâm người đời lại rất dễ bị lôi cuốn vào những chuyện thị phi quanh mình. Kẻ đẹp bỏ, chống lại được sự lôi cuốn ấy mới có thể chuyên tâm mà làm nên những chuyện phi thường. Việc ấy thật khó làm. Ngài Huyền Trang khi xưa, thưở còn bé đang ngồi đọc sách, có đám múa lân đi ngang nhà, tất cả trẻ con đều kéo ra xem, mà ngài vẫn ngồi yên đọc sách. Thân phụ ngài nhìn thấy, biết là về sau ngài sẽ thành danh. Quả đúng như vậy.

⁵ Thiện tri thức hiểu theo kinh Phật là những kẻ hiểu biết có thể chỉ dạy, dẫn dắt hoặc khuyến khích mình theo nẻo lành. Người đời chìm đắm trong ba độc là tham, sân, si, dù có người thuyết pháp cho nghe cũng chưa hẳn đã tin nhận. Nếu gặp được người bạn lành, cùng làm việc lành, sách tấn nhau tu tập, đều hiểu chung là những bậc thiện tri thức. Người như vậy thật rất khó gặp.

17. Thấy tánh học đạo là khó.¹

18. Theo hóa độ người khác là khó.²

19. Thấy cảnh mà chẳng động tâm là khó.³

20. Khéo hiểu phương tiện là khó.⁴

CHƯƠNG THỨ MƯỜI BA HỎI VỀ TỨC MẠNG

Một vị sa-môn thưa hỏi Phật: “Nhờ nhân duyên⁵ gì có thể được biết tức mạng,⁶ hiểu thấu lẽ đạo?”

¹ Tất cả chúng sanh đều sẵn có tánh Phật. Nhưng nhận ra tánh ấy thật chẳng phải dễ dàng, chính là sự nghiệp một đời của người tu học Phật. Kẻ thấy tánh học đạo thì quả Phật chắc chắn đạt đến, như vậy chẳng phải là khó được lắm sao? Kinh Pháp Bảo Đàn nói: “Chẳng biết bản tâm, học pháp vô ích. Nếu tự biết bản tâm, tự thấy bản tánh, tức là bậc thượng phu, là thầy của hàng trời người, là Phật.”

² Dù người tà ác nhưng mình không bỏ, cố theo để giáo hóa họ làm thiện. Việc ấy thật khó làm.

³ Người đời dễ gặp cảnh vui thì xúc động mà bám theo, gặp cảnh buồn thì xúc động mà chán ngán. Đối với cảnh, giữ tâm được chẳng động, uy vũ chẳng khuấy phục, bản tiện chẳng đổi chí. Việc ấy thật khó làm. Kinh Duy-ma-cật nói: “Năng thiện phân biệt chư pháp tướng, ư đệ nhất nghĩa nhi bất động.” (Có thể khéo phân biệt các pháp tướng, nơi nghĩa chân thật lòng không lay động.)

⁴ Phương tiện là sự quyền biến thi hành để đạt được kết quả mong muốn. Hành xử theo khuôn thước có sẵn thì ai cũng làm được. Tự mình nghĩ ra phương tiện linh hoạt, khéo léo để đạt đến kết quả mới là điều khó. Như việc biết sao nói vậy là dễ, nhưng tùy theo trình độ của người nghe mà dẫn dắt từ dễ đến khó cho họ hiểu được, việc ấy rất khó làm.

⁵ Nhân là nguyên nhân sanh ra sự vật, sự việc. Duyên là những điều kiện phụ trợ giúp cho sự vật, sự việc sanh ra. Tỷ như cái cây mọc lên, nhân là hạt giống, còn duyên là mưa nắng, đất màu, phân bón, công phu chăm sóc của người trồng...

⁶ Tức mạng: kiếp trước, những đời sống đã qua. Biết được tức mạng tức là nhớ biết những kiếp quá khứ của mình, hoặc thấy biết được những kiếp quá khứ của người khác.

Phật dạy: “Giữ tâm thanh tịnh,¹ ý chí vững bền² thì có thể hiểu thấu lẽ đạo. Như lau chùi tấm gương sạch hết những chỗ dơ bẩn, tự nhiên được sáng trong. Nếu dứt bỏ tình dục và sự mong cầu, tất nhiên biết được túc mạng.”

CHƯƠNG THỨ MƯỜI BỐN HỎI ĐIỀU TỐT LÀNH

Một vị sa-môn thưa hỏi Phật: “Điều chi là lành? Điều chi lớn nhất?”

Phật dạy: “Tu theo đạo, giữ lấy sự chân thật, đó là điều lành. Tâm ý phù hợp với đạo, đó gọi là lớn.”

CHƯƠNG THỨ MƯỜI LĂM SỨC MẠNH VÀ SỰ SÁNG

Một vị sa-môn thưa hỏi Phật: “Thế nào là có nhiều sức mạnh? Thế nào là sáng suốt nhất?”

Phật dạy: “Nhẫn nhục là có nhiều sức

¹ Giữ cho lòng được trong sạch, yên tịnh, chẳng để phiền não, ba độc tham, sân, si làm xáo động.

² Kiên tâm, giữ vững ý chí, dù chưa được đạo cũng chẳng ngã lòng.

mạnh,¹ vì chẳng mang lòng hung dữ, lại thêm được yên lành, khỏe mạnh. Người nhân không làm điều hung dữ, tất nhiên được người khác tôn trọng.

“Tâm dứt hết cấu nhiễm,² trong sạch không chút uế trước, ấy là sáng suốt nhất.³ Từ thuở chưa có trời đất đến nay, khắp nơi trong mười phương, không có điều chi là chẳng thấy, chẳng biết, chẳng nghe, thành tựu Nhất thiết trí.⁴ Như vậy có thể gọi là sáng suốt.”

CHƯƠNG THỨ MƯỜI SÁU BỔ LUYẾN ÁI ĐƯỢC ĐẠO

Phật dạy: “Người ta ôm ấp lấy sự luyến ái và tham dục⁵ nên chẳng thấy

¹ Nhân nhục: chịu được với cảnh nghịch mà chẳng khởi ra sự giận hờn. Kinh Tăng nhất A-hàm nói: “Tỳ-kheo lấy nhân nhục làm sức mạnh.”

² Cấu nhiễm: Phiền não trong tâm sanh ra uế trước. Các phiền não nói chung gom vào ba thứ: tham lam, sân hận và si mê. Dứt sạch ba thứ ấy thì tâm tự trong sáng, yên tịnh.

³ Phiền não còn, tức là uế trước, tối tăm. Phiền não dứt, tức là trong sạch, sáng suốt.

⁴ Nhất thiết trí: Tiếng Phạn là Sarvajñā (Tát-bà-nhà), trí tuệ biết hết tất cả, tức là Phật trí, không bị giới hạn bởi không gian và thời gian, nên có thể biết trong khắp các cõi nước mười phương, trong cả ba đời quá khứ, hiện tại và vị lai.

⁵ Ái dục: sự luyến ái và ham muốn đối với vợ con, nhà cửa, sự sản... Ái dục nơi

được đạo. Ví như nước lóng trong, nay lấy tay quậy lên, mọi người đến đó chẳng ai nhìn thấy được hình chiếu của họ dưới nước. Người ta để cho sự luyện ái và tham dục làm xáo trộn, uế trước trong lòng dấy lên, nên chẳng thấy được Đạo. Sa-môn các ông nên xả bỏ sự luyện ái và tham dục. Ái dục đã trừ hết, có thể thấy được Đạo.”

CHƯƠNG THỨ MƯỜI BẢY SÁNG ĐẾN TỐI ĐI

Phật dạy: “Phàm kẻ hiểu được đạo cũng như người cầm đuốc đi vào nhà tối. Sự tối liền mất đi, chỉ còn sự sáng. Người học đạo hiểu ra chân lý¹ thì ngu si tối tăm phải dứt, chỉ còn lại trí tuệ sáng suốt mà thôi.”

con người ta là rất lớn, rất mạnh, nên Kinh Hoa Nghiêm nói: “Phá vỡ núi phiến nào, tát cạn biển ái dục.”

¹ Kinh văn là “kiến đế”, đây muốn nói đến Tứ diệu đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Thấy được và thi hành Bốn chân lý ấy là bậc Thánh, chẳng thấy và chẳng hành, tức là phàm phu.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI TÁM NGHĨ TƯỞNG LỄ KHÔNG

Phật dạy: “Giáo pháp của ta niệm tưởng cái ý vô niệm, thực hành cái hạnh vô hành, nói ra cái điều vô ngôn, tu tập nơi chỗ không tu. Ai hiểu được thì gần đạo, ai mê muội thì xa đạo. Chỗ nói năng dứt hết, sự vật cũng chẳng trói buộc được. Chỉ sai lệch đôi chút thì phút chốc đã mất ngay.”¹

CHƯƠNG THỨ MƯỜI CHÍN QUÁN SÁT CHÂN GIẢ

Phật dạy: “Quán xét trời đất, nghĩ nhớ lễ vô thường.² Quán xét thế giới, nghĩ nhớ

¹ Bài này hoàn toàn là tinh thần Đại thừa Đốn giáo, chẳng phải dựa vào chân lý Tứ đế như hầu hết các bài khác trong kinh này. Trong dị bản bài này xếp thứ 15 và có ý hướng phù hợp với toàn văn kinh hơn. Xin dẫn ra như sau:

“Phật ngôn: Ngô hà niệm niệm đạo? Ngô hà hành hành đạo? Ngô hà ngôn ngôn đạo? Ngô niệm đế đạo, bất hốt tu du dã.” 佛言。吾何念念道。吾何行行道。吾何言言道。吾念諦道。不忽須臾也。(Phật nói: “Ta lấy niệm gì để niệm đạo? Ta lấy việc làm gì để hành đạo? Ta lấy lời nào để nói đạo? Ta luôn nghĩ nhớ đến đạo Tứ đế, không một giây phút nào dừng nghĩ.”) Như vậy rất có khả năng là văn kinh đã bị thay đổi qua nhiều lần sao chép, sửa chữa.

² Kinh văn là phi thường, chúng tôi lại dịch là vô thường. Tuy hai từ đều là gốc Hán, nhưng vô thường đã được hiểu phổ biến hơn, với nghĩa là không thường tồn, phải biến đổi. Còn phi thường đôi khi bị hiểu nhầm theo nghĩa là siêu việt, xuất chúng. Trời đất và thế giới là ví dụ những sự vật to lớn nhất, nhưng vẫn phải trải qua các giai đoạn biến đổi là sanh, trụ, di, diệt.

lẽ vô thường. Quán xét linh giác¹ thấy đó là Bồ-đề.² Chỗ thấy biết như vậy có thể mau được đắc đạo.”

CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI NGÃ VỐN LÀ KHÔNG

Phật dạy: “Nên nghĩ đến bốn chất lớn³ ở trong thân, mỗi chất tự nó đều có tên, rốt cuộc không chất nào là ta cả. Cái ta đã không có, chỉ như huyễn hóa thôi.”⁴

CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI MỐT THAM DANH MẤT GỐC

Phật dạy: “Người ta thuận theo tình dục, cầu lấy danh tiếng. Khi được danh tiếng thì thân không còn nữa. Tham danh

¹ Linh giác: cái thần thức hiểu biết của mỗi chúng sanh. Nhìn từ góc độ người học đạo thì đó chính là chân tâm, chân như, Phật tánh mà mỗi chúng sanh đều có sẵn nơi mình. Phật tánh ấy thường trụ, chẳng sanh chẳng diệt, nên quán xét đó chính là Bồ-đề.

² Bồ-đề: Tiếng Phạn là Bodhi, Haùn dòch laø Ñãiõ, Giaùc, Vôa thõõng Trí hueà. Kinh Duy-ma chuù: “Choã toät cuõa Ñãiõ, goõi laø Boà-ñeà, ñoù laø Chaùnh giaùc Vôa tồùng cuõa chaân trí.”

³ Tứ đại: Bốn chất lớn ở trong thế giới, theo quan niệm thời cổ là những yếu tố hợp lại thành thân người. Đó là: 1. Địa (chất đất – tượng trưng cho độ cứng) 2. Thủy (chất nước – tượng trưng cho độ ẩm), 3. Hỏa (chất lửa – tượng trưng cho sức nóng) 4. Phong (chất gió, không khí – tượng trưng cho sự chuyển động).

⁴ Huyễn hóa: không thật. Thân người do bốn chất lớn hiệp lại mà thành, nhưng cuối cùng rồi phải tan rã, không lấy gì là bền chắc.

theo thế tục mà chẳng chịu học đạo, chỉ uổng công phu, nhọc hình hài. Cũng như đốt hương, tuy nghe được mùi hương, mà hương đã cháy tàn rồi. Kia ngọn lửa hại thân đang chực sẵn phía sau ta đó.”¹

CHƯƠNG THỨ HAI MƯỜI HAI TÀI SẮC CHUỐC SỰ KHỔ

Phật dạy: “Của cải và sắc dục đến mà người mà chẳng chịu buông bỏ, cũng tở như lưỡi dao có dính chút mật, chẳng đủ thành bữa ăn ngon, trẻ con liếm vào phải bị cái hại đứt lưỡi.”²

CHƯƠNG THỨ HAI MƯỜI BA VỢ CON TRÓI BUỘC

Phật dạy: “Người ta trói buộc với vợ con, nhà cửa còn hơn cả sự giam cầm nơi

¹ Người ta vì ham danh vọng thế tục mà phải khổ công nhọc xác vô cùng. Nhưng chưa chắc đã được thỏa mãn về danh vọng. Ví dầu có được đi nữa, thì ngày chết gần kề cũng chẳng hưởng được gì. Rồi khi qua đời thì mang theo tội báo, dọa vào các đường ác. Trở lại làm người thì phải chịu quả báo đau đớn, vì đã tạo tội trong lúc tranh dành công danh. Chẳng bằng biết lo tu thân hành đạo thì được an lạc thân tâm đời này và đời sau.

² Tài sắc tở như chút mật dính nơi lưỡi dao. Kẻ phạm phu tở như đứa trẻ nhỏ tham ăn, liếm dao mà bị đứt lưỡi. Kẻ phạm phu ham mê tài sắc mà phải khổ tâm, lụy thân. Hàng trí giả thấy trước cái quả khổ, nên chẳng bám theo tài sắc, liền được thành thoi, tự tại.

lao ngục. Lao ngục còn có hạn kỳ được thả ra, vợ con chẳng thể có lấy một chốc lát xa lìa.¹ Chỗ tham luyện đối với sắc đẹp, đâu có ngại phải bôn ba? Dầu có sa vào miệng cọp cũng cam tâm chịu. Tự mình chìm đắm xuống chỗ bùn lầy, nên gọi là phàm phu.² Qua được cửa ấy³ là bậc La-hán xuất trần.⁴

CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI BỐN SẮC DỤC CHE LẤP ĐẠO

Phật dạy: “Trong các thứ ham muốn, ái luyện, không gì sâu nặng bằng sắc đẹp. Sắc đẹp gây ra sự ham muốn chẳng có gì bằng. May là chỉ có một mình nó mà thôi. Nếu có đến hai thứ như vậy, thì khắp nơi không còn ai có thể theo đạo được nữa.”

¹ Kinh văn là “vô viễn ly chi niệm”, “niệm” ở đây phải hiểu là một quãng thời gian rất ngắn, như thoáng chốc, chốc lát... Trước đây có bản dịch là “không nghĩ đến việc xa lìa”, e rằng không đúng, vì không phù hợp với về trước của câu.

² Phàm phu: người làm những việc thế tục. Kinh Pháp Hoa nói: Kẻ phàm phu ý thức cận hẹp, vướng sâu vào năm dục.” (Năm dục là sắc dục, thanh dục, hương dục, vị dục, xúc dục.)

³ Tức là vượt qua được sự cám dỗ, lôi cuốn của sắc dục.

⁴ Xuất trần: ra khỏi trần cấu, trần cảnh. Trần có sáu thứ: Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp. Bậc La-hán thoát khỏi phiền não gây ra bởi sáu căn nhiễm với sáu trần. Xuất trần cũng có thể hiểu đơn giản hơn là vượt ra khỏi trần tục, thế thường.

CHƯƠNG THỨ HAI MƯỜI LĂM LỬA DỤC THIÊU THÂN

Phật dạy: “Người say mê ái dục giống như kẻ cầm đuốc đi ngược gió, thế nào cũng bị họa cháy tay.”¹

CHƯƠNG THỨ HAI MƯỜI SÁU THIÊN MA QUẤY RỐI PHẬT

Một vị thiên ma² mang cô gái rất đẹp³ đến dâng cho Phật, muốn phá hoại ý chí của Phật. Phật nói: “Này cái túi da đựng những món dơ,⁴ ông đến đây mà làm gì? Đi đi. Ta không dùng đến.” Thiên ma càng thêm kính phục, nhân đó thưa hỏi về lẽ đạo. Phật giảng thuyết cho nghe, [vị ấy] liền đắc quả Tu-đà-hoàn.

¹ Tình dục tỷ như lửa dữ, đốt kẻ say mê, nhất là tình dục đối với nữ sắc thì hạng thiêu thân ở đời kể ra chẳng thể nào hết.

² Thiên ma, tức là ma ở cõi Trời. Ở đây chỉ cảnh Trời thứ sáu trong cõi Dục giới, là cảnh Tha hóa tự tại thiên, do vị chúa ma thống lãnh, tên là Ba-tuần. Dưới quyền vị ấy có những thiên ma thường đi thử thách người tu hành ở thế gian.

³ Kinh vẫn là “ngọc nữ”, người con gái tướng mạo quý đẹp như ngọc.

⁴ Thân xác thịt phàm phu cho là đẹp đẽ, nhưng xét kỹ ra chẳng qua chỉ như một cái túi bằng da chứa đựng những món dơ dáy, tanh hôi mà thôi. Những món dơ ấy là: phân, nước tiểu, mồ, máu, dàm, ghèn, nước mũi, nước dãi v.v...

CHƯƠNG THỨ HAI MƯỜI BẢY KHÔNG VƯỚNG MẮC

Phật dạy: “Người cầu đạo như cây gỗ thả dưới nước, theo dòng trôi đi. Nếu chẳng vướng ở hai bờ, chẳng bị người ta lấy mất, chẳng bị quỷ thần ngăn trở, chẳng bị chỗ nước xoáy cuốn vào, lại cũng chẳng mục nát, thì ta nói chắc rằng cây ấy sẽ trôi ra biển. Người học đạo nếu chẳng bị tình dục làm mê hoặc, chẳng bị các thứ tà ác quấy rối, lại tinh tấn theo lẽ vô vi, thì ta nói chắc rằng người ấy thế nào cũng đắc đạo.”

CHƯƠNG THỨ HAI MƯỜI TÁM CHỖ BUÔNG THẢ TÂM Ý

Phật dạy: “Chớ tin nơi tâm ý, tâm ý không thể tin cậy được. Thận trọng chớ gần gũi sắc dục, gần gũi sắc dục tất sanh tai họa.¹ Đắc quả A-la-hán rồi, mới có thể tin cậy nơi tâm ý.”

¹ Tâm ý của người ta hay chạy theo cảnh ngoài, cũng như con ngựa không cương. Phải kiềm chế, chú tâm vào đạo lý. Nhất là đừng một mình tiếp xúc với đàn bà, con gái. Sách Cổ Linh có chép: Thuở xưa, bên Thiên Trúc có một vị đạo nhân, tu hành trong núi, được Năm phép thần thông. Có một dâm nữ lễ bái đạo nhân, dụng cộ thân thể của người. Nhân đó, đạo nhân khởi nhiễm tâm, bèn mất thần thông. Vậy nên biết rằng nhà tu hành mà hư đạo mất chí là do nữ sắc vậy.

CHƯƠNG THỨ HAI MƯỜI CHÍN CHÁNH QUÁN TRỪ SẮC DỤC

Phật dạy: “Thận trọng chớ ngấm nhìn đàn bà, cũng đừng nói năng tiếp xúc. Nếu cần nói chuyện, nên giữ tâm chân chánh mà suy nghĩ rằng: ‘Ta là sa môn, ở đời ác trước phải như hoa sen, chẳng vấy bùn nhơ.’ Đối với phụ nữ già cả, hãy tưởng như mẹ mình; đối với phụ nữ lớn tuổi hơn, tưởng như chị gái; hoặc nhỏ tuổi hơn thì tưởng như em gái; nhỏ tuổi hơn nhiều thì tưởng như con gái của mình. Tưởng như thế rồi sanh tâm muốn độ thoát họ, dập tắt mọi ý nghĩ xấu.”

CHƯƠNG THỨ BA MƯỜI LÀ XA LỬA DỤC

Phật dạy: “Người cầu đạo ví như kẻ mặc áo bằng cỏ khô, khi lửa đến gần thì phải lo tránh. Người học đạo thấy sự tham dục phải lo tránh xa.”¹

¹ Người mới tu hành, chớ nên gần gũi với đàn bà con gái, tỷ như lửa gần rơm thì rơm phải cháy.

CHƯƠNG THỨ BA MƯƠI MỐT TĨNH TÂM TRỪ DỤC

Có người kia lòng dâm dục chẳng dứt, muốn tự tay cắt bỏ dương vật. Phật dạy người ấy rằng: “Nếu cắt bỏ dương vật, chẳng bằng lo dứt đoạn tâm.¹ Vì tâm như người cai quản, nếu người cai quản dừng, thì những kẻ tùy tùng cũng phải dừng. Tà tâm chẳng dứt, cắt bỏ dương vật có ích gì?”

Phật vì người ấy mà thuyết kệ rằng:

Dục sanh ra từ ý,
Ý do tư tưởng sanh.
Ý, tưởng đều tịch tĩnh,²
Không sắc, không hành dâm.

Phật nói: “Bài kệ ấy do Phật Ca-diếp thuyết.”³

¹ Kinh văn là “đoạn âm”, “âm” ở đây là âm hành, là bộ phận sinh dục nam. Dương vật có động đều là do vọng tâm khởi lên. Nếu tâm được yên lặng, dương vật cũng nguội lạnh theo. Cho nên tâm ví như người cai quản, dương vật chỉ như người làm theo.

² Kinh văn là “nhị tâm”, tức là chỉ đến ý và tư tưởng vừa nói ở hai câu trên.

³ Phật Ca-diếp, tiếng Phạn là Kāśyapa, đức Phật quá khứ, trước Phật Thích-ca, cũng như đức Phật Thích-ca ra đời trước Phật Di-lặc.

**CHƯƠNG THỨ BA MƯỜI HAI
TRỪ NGÃ KHÔNG CÒN SỢ**

Phật dạy: “Người ta vì ái dục sanh ra lo nghĩ, vì lo nghĩ sanh ra sợ sệt. Nếu lìa khỏi ái dục thì còn chi phải lo, còn chi phải sợ?”

**CHƯƠNG THỨ BA MƯỜI BA
TRÍ SÁNG PHÁ TÀ MA**

Phật dạy: “Người cầu đạo tử như một người chiến đấu chống muôn người. Mặc áo giáp lên đường, hoặc có ý khiếp sợ, hoặc nửa đường thôi lui, hoặc đánh nhau mà chết, hoặc chiến thắng trở về. Sa-môn học đạo nên giữ vững lòng mình, tinh tấn dũng mãnh, chẳng sợ những gì sắp tới, phá diệt chúng ma¹ mà chứng đắc đạo quả.”

**CHƯƠNG THỨ BA MƯỜI BỐN
TRUNG ĐẠO**

Một vị sa-môn ban đêm tụng kinh Di giáo của Phật Ca-diếp.² Tiếng tụng nghe

¹ Có bốn loại ma: 1. Phiền não ma, 2. Ấm ma (Ngũ ấm tức: sắc, thọ, tưởng, hành, thức), 3. Tử ma (ma chết), 4. Thiên ma (Ma vương và quyến thuộc).

² Kinh Di giáo ở đây là chỉ kinh ghi lại lời dạy dỗ, dặn dò của Phật. Phật Ca-diếp ra đời trước Phật Thích-ca.

buồn bã và gấp rút, trong lòng hối tiếc, muốn thối chí. Phật hỏi: “Khi còn ở nhà, ông đã từng làm gì?”

Đáp rằng: “Con thích khảm đàn.”

Phật hỏi: “Dây chùng quá thì sao?”

Đáp rằng: “Chẳng kêu.”

“Dây căng quá thì thế nào?”

Đáp rằng: “Mất tiếng.”

“Chẳng chùng, chẳng căng, giữ mức vừa phải thì thế nào?”

Đáp rằng: “Các âm đều vang lên đủ.”

Phật dạy: “Sa-môn học đạo cũng giống như vậy. Nếu tâm được điều hòa vừa phải, thì có thể đắc đạo. Đối với đạo nếu tâm mạnh mẽ thái quá tất thân phải mỏi mệt. Thân đã mỏi mệt, ý tất sanh buồn nảo. Nếu ý sanh buồn nảo, việc làm tất thối lui. Việc làm đã thối lui, tội lỗi tất tăng thêm nhiều. Chỉ nên thanh tịnh, an lạc thì đạo chẳng mất.”

CHƯƠNG THỨ BA MƯỜI LĂM TRỪ CẤU NHIỄM

Phật dạy: “Như người luyện sắt, loại bỏ cặn dơ mà rèn thành đồ vật. Đồ vật ấy tất là rất tốt. Cũng vậy, người học đạo trừ bỏ những cấu nhiễm¹ trong tâm tất sẽ được hạnh trong sạch.”

CHƯƠNG THỨ BA MƯỜI SÁU ĐƯỢC CHỖ TỐT HƠN

Phật dạy: “Người ta lìa khỏi các đường ác,² được làm người là khó.

“Được làm người, tránh thân nữ nhi được làm nam tử là khó.³

“Được làm nam tử, có đủ sáu căn là khó.⁴

¹ Cấu nhiễm: dơ bợn. Phiền não tức tham, sân, si và các tình dục luyện ái làm cho tâm ý dơ bợn (cấu nhiễm). Trừ hết phiền não thì thân khẩu ý liền thanh tịnh, có thể đắc đạo. Đó cũng như lấy chất cặn trong sắt ra, thì món đồ trở nên tinh hảo. Lấy chất cặn, chất bụi trong nước ra, thì nước trở nên trong sạch.

² Các đường ác: nơi đọa lạc, lãnh chịu các ác nghiệp. Có ba đường ác là: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.

³ Thân người nam quý hơn người nữ, vì dễ tu hành hơn. Khi Phật còn tại thế, ban đầu cũng không muốn cho người nữ xuất gia, vì có lắm điều bất tiện.

⁴ Sáu căn là: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Trong thân là bao hàm cả tứ chi và các bộ phận. Làm người được sáu căn trọn đủ, tránh khỏi tàn tật là khó.

“Có đủ sáu căn, được sanh nơi xứ trung tâm là khó.¹

“Được sanh nơi xứ trung tâm, gặp Phật ra đời là khó.

“Được gặp Phật ra đời, hiểu được lẽ đạo là khó.

“Hiểu được lẽ đạo, phát khởi lòng tin mạnh mẽ là khó.

“Đã phát khởi được lòng tin mạnh mẽ, phát tâm Bồ-đề² là khó.

“Đã phát tâm Bồ-đề, đạt đến chỗ vô tu vô chứng³ là khó.

CHƯƠNG THỨ BA MƯƠI BẢY GIỮ GIỚI GẦN ĐẠO

Phật dạy: “Đệ tử Phật tuy ở cách xa Phật nhiều ngàn dặm, nhưng luôn nhớ nghĩ đến giới luật, tất được chứng quả.

¹ Kinh văn là “trung quốc”, là nước ở giữa, ở trung tâm, không phải chỉ nước Trung Hoa. Dùng ý này là đối nghịch với “biên địa hạ tiện”, tức là những nơi biên thùy, xa xôi hẻo lánh, văn minh không truyền đến đầy đủ.

² Phát tâm Bồ-đề: Phát khởi cái chí nguyện tu hành cho đến khi thành Phật.

³ Chỗ chứng ngộ không còn thấy có sự tu chứng.

Còn như kẻ kẻ cận bên ta, thường được thấy ta, nhưng chẳng làm theo giới luật, rốt cùng chẳng thể đắc đạo.”

CHƯƠNG THỨ BA MƯỜI TÁM
CÓ SANH CÓ DIỆT

Đức Phật hỏi một vị sa-môn: “Mạng sống người ta là bao lâu?” Thưa rằng: “Được vài ngày.” Phật nói: “Ông chưa hiểu đạo.”

Phật lại hỏi một vị sa-môn khác: “Mạng sống người ta là bao lâu?” Thưa rằng: “Chỉ trong một bữa cơm.” Phật nói: “Ông chưa hiểu đạo.”

Phật lại hỏi một vị sa-môn khác: “Mạng sống người ta là bao lâu?” Thưa rằng: “Chỉ trong hơi thở vào ra mà thôi.”

Phật dạy: “Hay thay! Ông thật đã hiểu đạo.”

CHƯƠNG THỨ BA MƯƠI CHÍN LỜI DẠY CHẴNG SAI

Phật dạy: “Người học đạo Phật, đối với những lời Phật dạy, đều nên tin nhận. Giống như khi ăn mật, phía trong và phía ngoài đều là vị ngọt. Kinh điển của ta cũng như vậy đó.”¹

CHƯƠNG THỨ BỐN MƯƠI LỄ BÁI DO NƠI TÂM

Phật dạy: “Sa-môn đi quanh cung kính,² đừng như con trâu kéo cối xay,³ thân tuy đi quanh, mà tâm chẳng tùy theo. Nếu tâm đã cung kính, cũng chẳng cần việc đi quanh như thế.”⁴

¹ Tỷ như mật ngọt, dù nếm chỗ nào cũng là vị ngọt. Kinh điển của Phật cũng như thế, dù trước, sau, khoảng giữa cũng chỉ thuần một vị giải thoát mà thôi.

² Kinh văn là “hành đạo”, được hiểu theo ngày trước là một nghi thức cung kính, cũng như lễ bái, được thực hiện bằng cách cung kính đi quanh Phật theo chiều bên tay mặt.

³ Lấy ví dụ con trâu kéo cối xay, vì nó làm như vậy là do bắt buộc, lại vô tâm mà làm. Vị sa-môn không nên như vậy.

⁴ Khi thân làm việc cung kính, trong tâm cũng phải cung kính. Nếu tâm đã thật cung kính, việc làm bên ngoài chỉ là sự bày tỏ, không quan trọng bằng trong tâm. Chỗ này người học đạo phải nên thận trọng, chớ rơi vào việc coi thường hình thức mà sai lệch ý kinh. Bài này chỉ muốn nhấn mạnh rằng tâm đạo là quan trọng hơn, tuyệt nhiên không phải bài xích các hình thức lễ bái.

CHƯƠNG THỨ BỐN MƯỜI MỐT LÒNG NGAY TRỪ DỤC

Phật dạy: “Người học đạo ví như con trâu chở nặng đi giữa bùn sâu. Đành rằng nó mỗi mệt hết sức, song phải chú tâm chẳng dám nhìn qua hai bên. Đến chừng ra khỏi bùn lầy, mới có thể tươi tỉnh nghỉ ngơi. Sa-môn nên quán tưởng tình dục còn nguy hiểm hơn cả bùn lầy, hãy đem lòng ngay thẳng¹ mà nghĩ nhớ đến đạo, mới có thể thoát được các điều khổ.”

CHƯƠNG THỨ BỐN MƯỜI HAI BIẾT ĐỜI LÀ HUYỄN

Phật dạy: “Ta xem ngôi vị vua chúa như bụi qua kẽ hở,² xem của báu vàng ngọc cũng như ngôi sạn, xem y phục gấm vóc như mảnh lụa rách, xem cõi đại thiên

¹ Kinh vẫn là “trực tâm”: Lòng ngay thẳng, không tà vạy, không nịnh bợ, không dối gạt. Kinh Duy-ma nói: “Trực tâm là đạo trường.” Kinh Lăng Nghiêm nói: “Chư Phật mười phương đều đồng một đạo, thấy đều dùng trực tâm mà ra khỏi sanh tử.”

² Kinh vẫn là “quá khích trần”.

thế giới như một trái táo,¹ xem nước hồ A-nậu² như dầu thoa chân.

“Ta xem cửa phương tiện đặt ra như cửa báu biến hóa mà có, xem Vô thượng thừa³ như vàng lụa trong giấc mộng, xem đạo Phật như đóa hoa trước mắt, xem thiên đình như cây trụ chống đỡ núi Tu-di,⁴ xem Niết-bàn⁵ như thức dậy sau giấc ngủ đêm, xem sự thấy biết đúng sai⁶ cũng như sáu con rồng lượn múa,⁷ xem

¹ Kinh văn là “ha tử”, trái ha, hạt ha, nói đủ là Ha-lê-lặc (Haritaki), cũng đọc là Ha-la-lặc, Ha-ly-lặc. Trái ấy chất đắng, dùng làm thuốc, bằng cỡ như trái táo. Đây chỉ dùng với ý so sánh về kích thước, nên chúng tôi thay hẳn bằng trái táo cho dễ hiểu.

² A-nậu, cũng viết là A-nậu-đạt, nói đủ là A-na-bà-đạt-đa (Anavatapta), Hán dịch là Vô nhiệt não. Hồ A-nậu ở trong núi Hy-mã-lạp, nước hồ có đủ tám công đức.

³ Lời nói để tán xưng giáo pháp chí cực, tức là Đại thừa. Kinh Hoa nghiêm nói: “Qua khỏi hai thừa (Thanh văn thừa, Duyên giác thừa), gọi là Đại thừa, Đệ nhất thừa, Thắng thừa, Tối thắng thừa, Thượng thừa, Vô thượng thừa, Lợi ích nhất thiết chúng sanh thừa.”

⁴ Núi Tu-di: Cũng viết Tu-di-lâu, Tu-mê-lư, Hán dịch là Diệu cao sơn.

⁵ Niết-bàn: Nirvana, cũng đọc là Niết-bàn-na, Nê-hoàn, Nê-bạn. Cảnh trí dứt sạch các phiền não và tự biết rằng mình chẳng còn luyến ái. Niết (Nir) nghĩa là “ra khỏi”. Bàn hay Bàn-na (vana) nghĩa là “rừng”. Niết bàn là ra khỏi rừng mê tối, rừng phiền não. Theo chữ Hán cũng dùng những tên gọi khác như Tịch, Diệt độ, Bất sanh, Vô vi, An lạc, Giải thoát, Viên tịch.

⁶ Kinh văn là “đảo chánh”. Chỗ thấy biết quấy bậy, ngược ngạo, gọi là “đảo”. Chỗ thấy biết chánh đáng, đúng đắn, gọi là “chánh”. Như lấy khổ làm vui, lấy vô thường làm thường, lấy vô ngã làm ngã, lấy bất tịnh làm tịnh, gọi là đảo, đảo kiến hay điên đảo kiến. Ngược lại thì gọi là chánh, chánh kiến, chánh tri kiến.

⁷ Sáu con rồng lượn múa: Phật xem chánh kiến với đảo kiến chẳng qua như rồng lượn múa, quay đầu ra đuôi, lộn đuôi ra đầu.

lẽ bình đẳng¹ như địa vị chân thật duy nhất, xem việc hành hóa đạo lý như cây cối bốn mùa.²

Các vị đại tỳ-kheo nghe Phật thuyết kinh này xong, thấy đều vui vẻ phụng hành.

KINH BỐN MƯỜI HAI CHƯƠNG

¹ Bình đẳng như địa vị chân thật duy nhất: Nếu tu đắc Bình đẳng tâm thì đạt tới cảnh chân tuyệt đối. Phật đem tâm bình đẳng đối với chúng sanh, yêu thương tất cả như con một của mình.

² Việc hành hóa đạo lý như cây cối bốn mùa: khi đắc bình đẳng rồi, khi chúng địa vị chân thật duy nhất rồi, Bồ tát nương địa vị ấy mà hóa đạo, tiếp độ chúng sanh, cũng như cây cối bốn mùa nương đất đai mà sanh nảy vậy.

NỘI DUNG

Nghi thức khai kinh.....5

PHẦN DỊCH ÂM

KINH TỰ	11
1. XUẤT GIA CHỨNG QUẢ	11
2. ĐOẠN DỤC TUYỆT TRẦM.....	12
3. CÁT ÁI KHỦ THAM	13
4. THIÊN ÁC TỊNH MINH	13
5. CHUYỂN TRỌNG LINH KHINH	14
6. NHÃN ÁC VÔ SÂN	14
7. ÁC HOÀN BỔN THÂN.....	14
8. TRẦN THÓA TỰ Ô.....	15
9. PHẢN BỔN HỘI ĐẠO	15
10. HỖ THÍ HOẠCH PHƯỚC.....	15
11. THÍ PHẠN CHUYỂN THẮNG	16
12. CỬ NAN KHUYẾN TU.....	17
13. VẤN ĐẠO TỨC MẠNG	18
14. THỈNH VẤN THIỆN ĐẠI	18
15. THỈNH VẤN LỰC MINH	19
16. XẢ ÁI ĐẮC ĐẠO.....	19
17. MINH LẠI ÁM TÀ	20
18. NIỆM ĐẰNG BỔN KHÔNG	20
19. GIẢ CHÂN TỊNH QUÁN.....	20
20. SUY NGÃ BỔN KHÔNG	21
21. DANH THANH TÁN BỔN.....	21
22. TÀI SẮC CHIÊU KHỔ.....	21
23. THÊ TỬ THẬM NGỤC	22
24. SẮC DỤC CHƯỚNG ĐẠO	22
25. DỤC HỎA THIÊU THÂN.....	22
26. THIÊN MA NHIỄU PHẬT	23

27. VÔ TRƯỚC ĐẮC ĐẠO	23
28. Ý MÃ MẠC TÚNG	23
29. CHÁNH QUÁN ĐỊCH SẮC	24
30. DỤC HỎA VIỄN LY	24
31. TÂM TỊCH DỤC TRỪ	24
32. NGÃ KHÔNG BỐ DIỆT	25
33. TRÍ MINH PHÁ MA	25
34. XỬ TRUNG ĐẮC ĐẠO	26
35. CẦU KHỨ MINH TÔN	27
36. TRIỂN CHUYỂN HOẠCH THẮNG	27
37. NIỆM GIỚI CẬN ĐẠO	28
38. SANH TỨC HỮU DIỆT	28
39. GIÁO HỐI VÔ SAI	29
40. HÀNH ĐẠO TẠI TÂM	29
41. TRỰC TÂM XUẤT DỤC	30
42. ĐẠT THỂ TRI HUYỀN	30

PHẦN DỊCH NGHĨA

BÀI TỰA KINH	33
1. XUẤT GIA CHỨNG QUẢ	34
2. TRỪ DỤC DỨT TÌNH	36
3. DỨT BỎ THAM ÁI	38
4. PHÂN RÕ LÀNH DỮ	38
5. CHUYỂN NẶNG THÀNH NHẸ	40
6. NHỊN KẼ ÁC KHÔNG GIẬN	40
7. LÀM ÁC GẶP ÁC	40
8. TỰ LÀM XẤU MÌNH	41
9. VỀ NGUỒN HIỂU ĐẠO	42
10. TÁN TRỢ ĐƯỢC PHƯỚC	42
11. ĐÁI CƠM KHÁC BIỆT	43
12. KHÓ NHỌC NÊN GẮNG TU	44
13. HỎI VỀ TỨC MẠNG	48
14. HỎI ĐIỀU TỐT LÀNH	49
15. SỨC MẠNH VÀ SỰ SÁNG	49
16. BỎ LUYẾN ÁI ĐƯỢC ĐẠO	50
17. SÁNG ĐẾN TỐI ĐI	51

18. NGHĨ TƯỞNG LỄ KHÔNG.....	52
19. QUÁN SÁT CHÂN GIÁ 52	52
20. NGÃ VỐN LÀ KHÔNG 53	53
21. THAM DANH MẤT GỐC..... 53	53
22. TÀI SẮC CHUỐC SỰ KHỔ 54	54
23. VỢ CON TRÓI BUỘC 54	54
24. SẮC DỤC CHE LẤP ĐẠO 55	55
25. LỬA DỤC THIÊU THÂN..... 56	56
26. THIÊN MA QUẤY RỐI PHẬT 56	56
27. KHÔNG VƯỚNG MẮC..... 57	57
28. CHỖ BUÔNG THẢ TÂM Ý 57	57
29. CHÁNH QUÁN TRỪ SẮC DỤC 58	58
30. LÌA XA LỬA DỤC 58	58
31. TĨNH TÂM TRỪ DỤC..... 59	59
32. TRỪ NGÃ KHÔNG CÒN SỢ 60	60
33. TRÍ SÁNG PHÁ TÀ MA 60	60
34. TRUNG ĐẠO..... 60	60
35. TRỪ CẤU NHIỄM..... 62	62
36. ĐƯỢC CHỖ TỐT HƠN..... 62	62
37. GIỮ GIỚI GẦN ĐẠO..... 63	63
38. CÓ SANH CÓ DIỆT 64	64
39. LỜI DẠY CHẴNG SAI 65	65
40. LỄ BÁI DO NƠI TÂM..... 65	65
41. LÒNG NGAY TRỪ DỤC 66	66
42. BIẾT ĐỜI LÀ HUYỀN..... 66	66